

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Dành cho sinh viên đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị

History of the Communist Party of Vietnam — a bilingual study guide

Nhập môn · 1930 – 1945 · 1945 – 1975 · 1975 đến nay

Niên biểu · Bài tập vận dụng có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>Introductory chapter. Subject matter, functions, tasks, content and methods of researching and studying the History of the Communist Party of Vietnam</i>	4
0.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>Subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam</i>	4
0.2. Chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng — <i>Functions and tasks of the science of Party history</i>	8
0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng; tính khoa học và tính đảng — <i>Methods of researching and studying Party history; scientific character and Party character</i>	12
0.4. Nội dung, mục đích môn học và cách học môn Lịch sử Đảng — <i>Course content, purposes and how to study Party history</i>	15
0.5. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	21
0.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	24
0.7. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	26
 Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) — <i>Chapter 1. The founding of the Communist Party of Vietnam and its leadership of the struggle for power (1930 – 1945)</i>.....	28
1.1. Bối cảnh lịch sử và cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước — <i>Historical context and the crisis of the line of national salvation</i>	28
1.2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng — <i>Nguyễn Ái Quốc finds the path and prepares the conditions for founding the Party</i>	35
1.3. Các tổ chức cộng sản năm 1929 và Hội nghị thành lập Đảng — <i>The communist organisations of 1929 and the Party's founding conference</i>	41
1.4. Cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng — <i>The first Political Platform and the historical significance of the Party's founding</i>	44
1.5. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930 — <i>The 1930 – 1931 revolutionary movement and the Political Thesis of October 1930</i>	49
1.6. Khôi phục tổ chức và phong trào 1932 – 1935, Đại hội Đảng lần thứ I (3/1935) — <i>Restoring the organisation and movement in 1932 – 1935, the 1st National Congress (March 1935)</i>	55
1.7. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 — <i>The 1936 – 1939 democratic movement</i>	58
1.8. Chuyển hướng chiến lược 1939 – 1945, cao trào kháng Nhật và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám — <i>The strategic shift of 1939 – 1945, the anti-Japanese upsurge and the August General Insurrection</i>	62
1.9. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 — <i>Character, significance and lessons of the 1945 August Revolution</i>	75
1.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	78

1.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	83
1.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	89

Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) — Chapter 2. The Party leads two resistance wars, completing national liberation and reunification (1945 – 1975)..... 95

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946) — <i>Building and defending the revolutionary government (1945 – 1946)</i>	95
2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình thực hiện (1946 – 1950) — <i>The line of nationwide resistance and its implementation (1946 – 1950)</i>	103
2.3. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi (1951 – 1954) — <i>Pushing the resistance to victory (1951 – 1954)</i>	110
2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo kháng chiến chống Pháp — <i>Historical significance and lessons of leading the anti-French resistance</i>	118
2.5. Bối cảnh sau Hiệp định Genève 1954 và đường lối hai chiến lược cách mạng — <i>The situation after the 1954 Geneva Accords and the line of two revolutionary strategies</i>	121
2.6. Giai đoạn 1954 – 1960: khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Nghị quyết Trung ương 15 và phong trào Đồng khởi — <i>1954 – 1960: economic recovery and socialist transformation in the North, the 15th Plenum Resolution and the Concerted Uprising</i>	125
2.7. Giai đoạn 1961 – 1965: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” — <i>1961 – 1965: the First Five-Year Plan and the defeat of the “Special War”</i>	133
2.8. Giai đoạn 1965 – 1975: lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả nước — <i>1965 – 1975: leading the resistance war against the US nationwide</i>	136
2.9. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975 — <i>Historical significance and the Party’s leadership lessons, 1954 – 1975</i>	149
2.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	152
2.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	157
2.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	164

Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – nay) — Chapter 3. The Party leads the whole country in the transition to socialism and the Đổi Mới renovation (1975 – present)..... 169

3.1. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước, Đại hội IV và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1981) — <i>State reunification, the 4th Congress and defence of the Fatherland (1975 – 1981)</i>	169
3.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và việc thực hiện Nghị quyết (1982 – 1986) — <i>The 5th National Congress and the implementation of its Resolution (1982 – 1986)</i>	179
3.3. Khủng hoảng kinh tế – xã hội và các bước đột phá đổi mới kinh tế (1979 – 1986) — <i>The socio-economic crisis and the breakthroughs in economic renewal (1979 – 1986)</i>	183
3.4. Đại hội VI (12/1986) và đường lối đổi mới toàn diện — <i>The 6th National Congress (12/1986) and the comprehensive Đổi Mới line</i>	191

3.5. Thực hiện đường lối đổi mới những năm 1986–1991 — <i>Implementing the Đổi Mới line, 1986–1991</i>	196
3.6. Đại hội VII (6/1991), Cương lĩnh 1991 và Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994) — <i>The 7th National Congress (6/1991), the 1991 Platform and the Mid-term Conference (1/1994)</i>	201
3.7. Đại hội VIII (1996), Đại hội IX (2001) và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa — <i>The 8th Congress (1996), the 9th Congress (2001) and accelerated industrialisation and modernisation</i>	209
3.8. Đại hội X (4/2006) và quá trình thực hiện Nghị quyết (2006 – 2011) — <i>The 10th Congress (April 2006) and the implementation of its Resolution (2006 – 2011)</i>	220
3.9. Đại hội XI (1/2011) và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 — <i>The 11th Congress (January 2011) and the 2011 supplemented and developed Platform</i>	227
3.10. Đại hội XII (2016), Đại hội XIII (2021) và chặng đường đến Đại hội XIV (2026) — <i>The 12th Congress (2016), the 13th Congress (2021) and the road to the 14th Congress (2026)</i>	237
3.11. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới — <i>Achievements, shortcomings and lessons of Renovation</i>	247
3.12. Kết luận: những thắng lợi vĩ đại, truyền thống và bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng — <i>Conclusion: great victories, traditions and major lessons on the Party's leadership</i>	252
3.13. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	256
3.14. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	263
3.15. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	272
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — <i>Appendix A. Answer key</i>	279
Phụ lục B. Niên biểu các mốc lịch sử Đảng — <i>Appendix B. Chronology of Party history</i>	284
Phụ lục C. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Appendix C. Vietnamese–English glossary</i>	289
Phụ lục D. Văn kiện cần nhớ — <i>Appendix D. Key documents to remember</i>	292
Tài liệu tham khảo — <i>References</i>	294

Chương nhập môn. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — *Introductory chapter. Subject matter, functions, tasks, content and methods of researching and studying the History of the Communist Party of Vietnam*

0.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam — *Subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam*

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập ngày 3/2/1930. Lịch sử Đảng là một chuyên ngành của khoa học lịch sử; môn học dạy ở bậc đại học là một nhánh của chuyên ngành đó.

The Communist Party of Vietnam was founded by Hồ Chí Minh on 3/2/1930. Party history is a specialised field of historical science; the university course is a branch of that field.

Văn kiện Đại hội XI định vị nền tảng của Đảng: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2011, tr.88).

The 11th Congress documents state the Party’s foundation: “The Party takes Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide to action, and democratic centralism as its fundamental organisational principle” (Documents of the 11th National Congress, 2011, p.88).

Môn học hình thành qua những mốc nào — *Milestones in the making of the subject*

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với môn học <i>Meaning for the subject</i>
1933 <i>1933</i>	Hà Huy Tập, ký tên Hồng Thái Công, công bố Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương <i>Hà Huy Tập, signing as Hồng Thái Công, publishes A Draft History of the Indochinese Communist Movement</i>	Công trình viết sử Đảng sớm nhất được giáo trình nêu, ba năm sau ngày lập Đảng <i>The earliest Party history work cited by the textbook, three years after the founding</i>
9/1960 <i>9/1960</i>	Đại hội III giao nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng <i>The 3rd Congress assigns the task of researching and summing up Party history</i>	Tổng kết kinh nghiệm, quy luật cách mạng thành việc chính thức của Đảng <i>Summing up experience and revolutionary laws becomes official Party work</i>
1962 <i>1962</i>	Thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng) <i>The Central Party History Research Committee is set up (now the Institute of Party History)</i>	Có cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn <i>A dedicated research and compiling body exists</i>

Thời gian <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với môn học <i>Meaning for the subject</i>
Thập niên 1960 <i>The 1960s</i>	Lịch sử Đảng được giảng dạy chính thức ở đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp <i>Party history is taught officially at universities, colleges and professional secondary schools</i>	Trở thành môn học trong nhà trường <i>It becomes a school subject</i>
13/7/1992 <i>13/7/1992</i>	Quyết định số 255/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Decision No. 255/CT of the Chairman of the Council of Ministers sets up the Steering Council for national textbooks on Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought</i>	Lịch sử Đảng có giáo trình quốc gia thống nhất <i>Party history gets a unified national textbook</i>
2021 <i>2021</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành giáo trình cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị <i>The Ministry of Education and Training issues the textbook for non-political-theory undergraduates</i>	Bản dùng làm khung cho đề cương này <i>The edition this outline follows</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Quyết định 255/CT là “của Thủ tướng Chính phủ năm 1992”. Năm 1992 người ký là **Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng**; chức danh này về sau đổi thành Thủ tướng Chính phủ. Bài thi nên ghi đúng tên chức danh tại thời điểm ký.
Writing that Decision 255/CT was issued “by the Prime Minister in 1992”. In 1992 the signer was the Chairman of the Council of Ministers; the post was later renamed Prime Minister. An exam answer should give the title in use at the time of signing.

Bốn đối tượng cụ thể — *Four specific objects of study*

Định nghĩa trong giáo trình: “Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử” (Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.13). Giáo trình tách định nghĩa đó thành bốn đối tượng cụ thể.

The textbook definition: “The subject matter of the science of Party history is the birth, development and leadership activity of the Party across historical periods” (History of the Communist Party of Vietnam textbook, 2021, p.13). The textbook splits it into four specific objects.

Đối tượng <i>Object</i>	Nội dung cần nắm <i>What to grasp</i>	Câu hỏi đặt ra khi học <i>Question to ask</i>
1. Sự kiện lịch sử Đảng <i>1. Party history events</i>	Nội dung, tính chất, bản chất của sự kiện gắn với sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, đối ngoại; tái hiện dựa trên tư liệu chính xác, khách quan <i>Content, nature and essence of events tied to Party leadership in politics, military affairs, the economy, culture and foreign relations; rebuilt from accurate, objective sources</i>	Sự kiện này do cơ quan nào của Đảng quyết định, vì sao vào lúc đó? <i>Which Party body decided this event, and why at that moment?</i>
2. Cương lĩnh, đường lối <i>2. Platform and lines</i>	Nội dung cương lĩnh, cơ sở lý luận và thực tiễn, giá trị hiện thực của đường lối; đường lối đúng là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi <i>Content of each platform, its theoretical and practical basis, the real value of the line; a correct line is the first condition of victory</i>	Văn kiện này xác định mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng, phương pháp gì? <i>What goals, tasks, forces and methods does this document set?</i>
3. Quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn <i>3. Leading and organising practice</i>	Thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học; cả khuyết điểm, hạn chế Đảng tự nêu; bốn truyền thống của Đảng <i>Victories, achievements, experience, lessons; also the shortcomings the Party admits; the Party's four traditions</i>	Chủ trương được đưa vào thực tế ra sao, kết quả đo được là gì? <i>How was the policy put into practice, and what measurable result followed?</i>
4. Tổ chức và xây dựng Đảng <i>4. Organisation and Party building</i>	Hệ thống tổ chức; xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức qua từng thời kỳ <i>The organisational system; building the Party in politics, ideology, organisation and ethics in each period</i>	Bộ máy, đội ngũ cán bộ, kỷ luật của Đảng thay đổi thế nào ở mốc này? <i>How did the apparatus, cadres and discipline change at this milestone?</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đối tượng = **sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng**, cụ thể hóa thành bốn: (1) sự kiện lịch sử Đảng; (2) Cương lĩnh, đường lối; (3) quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn; (4) hệ thống tổ chức và công tác xây dựng Đảng.
Subject matter = the birth, development and leadership activity of the Party, made concrete as four objects: (1) Party history events; (2) the Platform and lines; (3) leading and organising practice; (4) the organisational system and Party building.

Năm văn kiện mang tầm cương lĩnh — *Five documents of platform rank*

Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và chính sách lớn. Đường lối là bước cụ thể hóa cương lĩnh cho từng vấn đề nổi bật của một thời kỳ: giải phóng dân tộc, kháng chiến, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, đổi mới, quân sự, đối ngoại.

The Party leads through its Platform, lines, guidelines and major policies. A line makes the platform concrete for a salient issue of a period: national liberation, resistance war, the people's national democratic revolution, the socialist revolution, Đổi Mới, military affairs, foreign relations.

Văn kiện <i>Document</i>	Thời gian <i>Date</i>	Nơi thông qua <i>Adopted at</i>	Học ở chương <i>Studied in</i>
Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt) <i>First Political Platform (Brief Political Programme, Brief Strategy)</i>	2/1930 <i>2/1930</i>	Hội nghị thành lập Đảng <i>The founding conference</i>	Chương 1 <i>Chapter 1</i>
Luận cương chính trị <i>Political Thesis</i>	10/1930 <i>10/1930</i>	Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất, Hương Cảng <i>The 1st Plenum of the Central Committee, Hong Kong</i>	Chương 1 <i>Chapter 1</i>
Chính cương Đảng Lao động Việt Nam <i>Political Programme of the Vietnam Workers' Party</i>	2/1951 <i>2/1951</i>	Đại hội II <i>2nd Congress</i>	Chương 2 <i>Chapter 2</i>
Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>Platform for national construction in the period of transition to socialism</i>	6/1991 <i>6/1991</i>	Đại hội VII <i>7th Congress</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>
Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung, phát triển năm 2011) <i>Platform for national construction in the transition period (supplemented and developed in 2011)</i>	1/2011 <i>1/2011</i>	Đại hội XI <i>11th Congress</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ năm văn kiện theo cặp số: “**30 – 30 – 51 – 91 – 2011**”. Hai văn kiện năm 1930 cách nhau tám tháng (2 và 10); hai cương lĩnh thời đổi mới cách nhau đúng 20 năm (1991 và 2011).

Memory hook for the five documents: “30 – 30 – 51 – 91 – 2011”. The two 1930 documents are eight months apart (February and October); the two Đổi Mới platforms are exactly 20 years apart (1991 and 2011).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gọi Luận cương chính trị (10/1930) là văn kiện của “Đại hội I”. Luận cương do **Hội nghị Trung ương lần thứ nhất** (Hương Cảng, 10/1930) thông qua; Đại hội I họp năm **1935** ở Ma Cao. Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) có giá trị như một đại hội nhưng không mang số thứ tự đại hội.

Calling the Political Thesis (10/1930) a document of the “1st Congress”. It was adopted by the 1st

Plenum of the Central Committee (Hong Kong, 10/1930); the 1st Congress met in 1935 in Macau. The founding conference (2/1930) had the weight of a congress but carries no congress number.

Sự kiện lịch sử Đảng khác sự kiện lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự ở chỗ nào — *How a Party history event differs from national and military history events*

Cùng một thời điểm có thể có ba loại sự kiện. Môn Lịch sử Đảng chọn loại gắn trực tiếp với quyết định và hoạt động lãnh đạo của Đảng; các loại còn lại dùng làm bối cảnh hoặc kết quả.

One moment may hold three kinds of events. Party history picks the kind tied directly to the Party's decisions and leadership; the other kinds serve as context or outcome.

Loại sự kiện <i>Event type</i>	Ví dụ quanh năm 1954 <i>Example around 1954</i>	Câu hỏi môn Lịch sử Đảng đặt ra <i>The Party history question</i>
Sự kiện lịch sử Đảng <i>Party history event</i>	Bộ Chính trị họp ngày 6/12/1953, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ <i>The Politburo meets on 6/12/1953 and decides to open the Điện Biên Phủ Campaign</i>	Căn cứ nào để Đảng chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược? <i>On what grounds did the Party choose Điện Biên Phủ for the decisive strategic battle?</i>
Sự kiện lịch sử quân sự <i>Military history event</i>	Mở màn chiến dịch 13/3/1954; ba đợt tiến công; kết thúc 7/5/1954 <i>Campaign opens 13/3/1954; three assault waves; ends 7/5/1954</i>	Dùng làm kết quả kiểm chứng chủ trương, không đi sâu chiến thuật <i>Used as the outcome that tests the decision, without going into tactics</i>
Sự kiện lịch sử dân tộc <i>National history event</i>	Hiệp định Genève ký ngày 21/7/1954, đất nước tạm chia hai miền <i>The Geneva Agreements signed 21/7/1954, the country temporarily divided</i>	Bối cảnh để hiểu chủ trương mới của Đảng sau năm 1954 <i>Context for the Party's new policy after 1954</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời câu hỏi về một chiến dịch bằng cách kể diễn biến từng trận. Bài thi môn Lịch sử Đảng chấm phần **chủ trương, quyết định, chỉ đạo** của Đảng trước và sau chiến dịch.

Answering a question on a campaign by narrating each battle. A Party history exam grades the Party's policy, decision and direction before and after the campaign.

0.2. Chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng — *Functions and tasks of the science of Party history*

Là một ngành của sử học, Lịch sử Đảng mang hai chức năng cơ bản của sử học là nhận thức và giáo dục, cộng thêm chức năng dự báo và phê phán.

As a branch of history, Party history carries the two basic functions of historical science, cognition and education, plus a forecasting and critical function.

Ba chức năng — *Three functions*

Chức năng <i>Function</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Minh chứng trong giáo trình <i>Evidence in the textbook</i>
Nhận thức <i>Cognition</i>	Tri thức có hệ thống về sự lãnh đạo, đấu tranh, cầm quyền của Đảng; quy luật ra đời của Đảng; quy luật giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đi lên chủ nghĩa xã hội <i>Systematic knowledge of the Party's leadership, struggle and governance; the law of its birth; the laws of national liberation, of building and defending the country, of advancing to socialism</i>	Từ năm 1930 Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất; từ Cách mạng Tháng Tám 1945 Đảng cầm quyền <i>Since 1930 the Party has been the sole leading organisation; since the August Revolution of 1945 it has been the ruling party</i>
Giáo dục <i>Education</i>	Yêu nước, tự hào, tự lực tự cường; lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; truyền thống, đạo đức, lối sống <i>Patriotism, pride, self-reliance; the ideal of national independence and socialism; revolutionary heroism; traditions, ethics, way of life</i>	Hồ Chí Minh: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” (Toàn tập, t.12, tr.403) <i>Hồ Chí Minh: “Our Party is morality, is civilisation” (Complete Works, vol. 12, p.403)</i>
Dự báo và phê phán <i>Forecasting and critique</i>	Từ quá khứ hiểu hiện tại, thấy trước tương lai; tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng; chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” <i>From the past understand the present and foresee the future; self-criticism and criticism are the Party's law of development; fight degradation, “self-evolution” and “self-transformation”</i>	Năm 1942, trong Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh viết: “Năm 1945 Việt Nam độc lập” <i>In 1942, in The History of Our Country, Hồ Chí Minh wrote: “In 1945 Vietnam will be independent”</i>

Giáo trình nêu: “Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam” (Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.18). Công thức này thuộc chức năng nhận thức và sẽ được chứng minh ở Chương 1.

The textbook states: “The law of the Party's birth and development is the combination of Marxism-Leninism with the workers' movement and the patriotic movement of Vietnam” (History of the Communist Party of Vietnam textbook, 2021, p.18). This formula belongs to the cognitive function and is proven in Chapter 1.

Chức năng nhận thức còn hướng tới nhận thức về thời đại Hồ Chí Minh, góp phần cho khoa học chính trị và khoa học lãnh đạo, quản lý. Người lãnh đạo hiểu quy luật thì hành động đúng quy luật.

The cognitive function also aims at understanding the Hồ Chí Minh era and feeds political science and the science of leadership and management. A leader who knows the laws acts in line with them.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba chức năng: **nhận thức – giáo dục – dự báo và phê phán**. Hai chức năng đầu là chức năng cơ bản của mọi ngành sử học; chức năng thứ ba được giáo trình nhấn mạnh riêng cho khoa học Lịch sử Đảng. Câu dự báo “Năm 1945 Việt Nam độc lập” viết năm **1942**.

*Three functions: **cognition – education – forecasting and critique**. The first two are basic to all historical science; the textbook stresses the third for Party history. The forecast “In 1945 Vietnam will be independent” was written in **1942**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Xếp câu “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” vào chức năng nhận thức. Giáo trình dẫn câu này ở **chức năng giáo dục**, phần giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng.

*Placing “Our Party is morality, is civilisation” under the cognitive function. The textbook cites it under the **educational function**, in the part on traditions and revolutionary ethics.*

Bốn nhiệm vụ — Four tasks

Nhiệm vụ đặt ra từ đối tượng và là cách cụ thể hóa chức năng. Có thể ghép đôi: đối tượng “Cương lĩnh” sinh nhiệm vụ trình bày cương lĩnh; đối tượng “sự kiện” sinh nhiệm vụ tái hiện; đối tượng “tổ chức” sinh nhiệm vụ làm rõ vai trò hệ thống tổ chức.

Tasks come from the subject matter and make the functions concrete. They pair up: the object “Platform” yields the task of presenting it; the object “events” yields the task of recreating them; the object “organisation” yields the task of clarifying the organisational system’s role.

Nhiệm vụ <i>Task</i>	Làm gì <i>What it does</i>	Kết quả mong đợi <i>Expected result</i>
Trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối <i>Present the Platform and lines systematically</i>	Khẳng định giá trị khoa học và hiện thực của mục tiêu chiến lược, sách lược; đây là nhiệm vụ hàng đầu <i>Confirm the scientific and practical value of strategic and tactical goals; the foremost task</i>	Thấy lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội hợp quy luật <i>See that choosing national independence tied to socialism fits historical law</i>
Tái hiện tiến trình lãnh đạo, đấu tranh <i>Recreate the course of leadership and struggle</i>	Dựa vào tư liệu thành văn và không thành văn, làm nổi bật thời kỳ, giai đoạn, dấu mốc <i>Use written and unwritten sources; bring out periods, stages and milestones</i>	Thấy vai trò của Đảng gắn với sức mạnh nhân dân, khối đại đoàn kết <i>See the Party’s role tied to the people’s strength and national unity</i>
Tổng kết lịch sử <i>Sum up history</i>	Rút kinh nghiệm, bài học, quy luật, vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam <i>Draw experience, lessons, laws and theoretical issues of the Vietnamese revolution</i>	Lý luận rút ra từ thực tế rồi quay lại kiểm chứng bằng thực tế <i>Theory drawn from practice and checked against it again</i>

Nhiệm vụ <i>Task</i>	Làm gì <i>What it does</i>	Kết quả mong đợi <i>Expected result</i>
Làm rõ vai trò hệ thống tổ chức đảng <i>Clarify the role of the Party organisation system</i>	Sức chiến đấu từ Trung ương đến cơ sở; truyền thống; tấm gương Hồ Chí Minh và chiến sĩ cộng sản tiêu biểu <i>Fighting capacity from the centre to the grassroots; traditions; the example of Hồ Chí Minh and outstanding communists</i>	Hiểu nguồn động lực bên trong của Đảng <i>Understand the Party's inner driving forces</i>

Ba tầng tổng kết: kinh nghiệm – bài học – quy luật — *Three layers of summing up: experience – lesson – law*

Tầng <i>Layer</i>	Gắn với <i>Tied to</i>	Mức khái quát <i>Level of generality</i>
Kinh nghiệm lịch sử <i>Historical experience</i>	Một sự kiện hoặc một giai đoạn nhất định <i>One event or one specific stage</i>	Thấp nhất <i>Lowest</i>
Bài học lịch sử <i>Historical lesson</i>	Một thời kỳ dài, một vấn đề chiến lược, hoặc toàn bộ tiến trình lịch sử Đảng <i>A long period, a strategic issue, or the whole course of Party history</i>	Cao hơn <i>Higher</i>
Quy luật, vấn đề lý luận <i>Laws, theoretical issues</i>	Con đường và quy luật riêng của cách mạng Việt Nam <i>The path and specific laws of the Vietnamese revolution</i>	Cao nhất <i>Highest</i>

Hồ Chí Minh định nghĩa lý luận bằng chính quy trình tổng kết: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận” (Toàn tập, t.5, tr.273).

Hồ Chí Minh defined theory by the very process of summing up: “Theory is taking the facts of history, of experience, of struggles, examining and comparing them thoroughly and clearly, and making conclusions” (Complete Works, vol. 5, p.273).

Một kết luận ở tầng quy luật, do Đại hội VIII (1996) rút ra sau 10 năm đổi mới: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.55, tr.356).

A law-level conclusion drawn by the 8th Congress (1996) after 10 years of Đổi Mới: “The path to socialism in our country is becoming ever more clearly defined” (Complete Party Documents, vol. 55, p.356).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một đội phát triển phần mềm sau mỗi đợt cập nhật ghi lại “lần này lỗi vì kiểm thử thiếu” (kinh nghiệm). Cuối năm, đội gom mười hai ghi chép và đặt nguyên tắc “không phát hành khi chưa kiểm thử tự động” (bài học). Khi nhiều công ty cùng thấy nguyên tắc đó đúng ở mọi dự án, nó tiến gần tầng quy luật. Ba tầng của Lịch sử Đảng được dựng theo cùng một trình tự.

After each update, a software team notes “this time it broke because testing was thin” (experience). At

year's end it gathers twelve such notes and sets the rule "no release without automated tests" (lesson). When many companies find the rule holds in every project, it nears the level of a law. The three layers of Party history are built in the same order.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Bốn nhiệm vụ: **trình bày Cương lĩnh, đường lối** (hàng đầu) – **tái hiện tiến trình – tổng kết** (kinh nghiệm → bài học → quy luật) – **làm rõ vai trò hệ thống tổ chức đảng**. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII ra tháng **10/2016**.

Four tasks: present the Platform and lines (foremost) – recreate the course – sum up (experience → lesson → law) – clarify the role of the Party organisation system. The Resolution of the 4th Plenum of the 12th Central Committee dates from 10/2016.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Coi “tái hiện sự kiện” là nhiệm vụ hàng đầu. Giáo trình gọi **trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối** là nhiệm vụ hàng đầu; tái hiện là nhiệm vụ quan trọng nhưng đứng thứ hai.

Treating “recreating events” as the foremost task. The textbook names systematic presentation of the Platform and lines as foremost; recreating events is important but comes second.

0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng; tính khoa học và tính đảng — *Methods of researching and studying Party history; scientific character and Party character*

Phương pháp luận — *Methodology*

- Nền tảng là **chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử**: xem lịch sử khách quan, toàn diện, trong sự phát triển và trong điều kiện lịch sử cụ thể.
The base is dialectical and historical materialism: viewing history objectively, comprehensively, in development and under concrete historical conditions.
- Lấy thực tiễn và kết quả của nó làm thước đo đúng sai; chân lý luôn cụ thể, cách mạng đòi hỏi sáng tạo.
Practice and its results are the criterion of truth. Truth is concrete; revolution is creative.
- Đặt sự kiện trong các cặp quan hệ: nguyên nhân – kết quả, hình thức – nội dung, hiện tượng – bản chất, cái chung – cái riêng, phổ biến – đặc thù.
Place each event in paired relations: cause – effect, form – content, appearance – essence, general – particular, universal – specific.
- Các lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng trực tiếp: hình thái kinh tế – xã hội; giai cấp và đấu tranh giai cấp; dân tộc và đấu tranh dân tộc; vai trò quần chúng và cá nhân; cách mạng xã hội; sứ mệnh của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.
Theories of historical materialism used directly: socio-economic formations; classes and class struggle; nations and national struggle; the role of the masses and of individuals; social revolution; the mission of the proletariat and the Communist Party.
- **Tư tưởng Hồ Chí Minh** cùng tư duy, phong cách khoa học của Người định hướng cách học: sáng tạo, chống giáo điều, chống chủ quan duy ý chí.
Hồ Chí Minh Thought, with his scientific thinking and style, orients the way of study: creative, against dogmatism and subjective voluntarism.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Quan điểm lịch sử cụ thể khi đọc Đại hội IV (12/1976): đường lối ưu tiên công nghiệp nặng ra đời ngay sau chiến thắng 1975, khi Đảng chưa tổng kết 21 năm xây dựng ở miền Bắc trong thời chiến và chưa phát hiện khuyết tật của mô hình cũ. Đặt vào hoàn cảnh đó mới giải thích được vì sao Đại hội V (3/1982) phải điều chỉnh, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

The concrete-historical viewpoint applied to the 4th Congress (12/1976): the line giving priority to heavy industry came right after the 1975 victory, before the Party had summed up 21 years of wartime construction in the North or spotted the old model's defects. Only in that setting can one explain why the 5th Congress (3/1982) had to adjust and make agriculture the leading front.

Hai phương pháp cơ bản: lịch sử và logic — Two basic methods: historical and logical

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phương pháp lịch sử <i>Historical method</i>	Phương pháp logic <i>Logical method</i>
Mục đích <i>Aim</i>	Dựng lại tiến trình đúng như đã diễn ra, đủ tính cụ thể, sinh động, quanh co <i>Rebuild the course as it happened, concrete, vivid, with its detours</i>	Vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung <i>Bring out the essence, laws, general tendencies</i>
Tìm cái gì <i>Looks for</i>	Cái đặc thù, cái cá biệt, cái không lặp lại <i>The specific, the individual, the non-repeating</i>	Cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại <i>The essential, the universal, the recurrent</i>
Thao tác <i>Operations</i>	Theo trình tự thời gian; chú ý không gian, tên người, tên đất; thấy cả bước thụt lùi tạm thời <i>Follow time order; mind place and names; see temporary setbacks too</i>	Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát; chọn sự kiện, nhân vật, giai đoạn điển hình <i>Analyse, compare, synthesise, generalise; choose typical events, figures and stages</i>
Sản phẩm <i>Output</i>	Biên niên, trục thời gian, diễn biến <i>Chronicles, timelines, sequences</i>	Kết luận, bài học, quy luật <i>Conclusions, lessons, laws</i>
Giới hạn khi dùng riêng <i>Limit when used alone</i>	Dễ thành học thuộc sự kiện, không thấy bản chất <i>Turns into rote memorising, missing the essence</i>	Dễ thành khái quát suông, không có chứng cứ <i>Turns into empty generalisation without evidence</i>

Hai phương pháp gắn chặt với nhau, hợp thành phương pháp biện chứng mácxít trong nhận thức lịch sử. Nắm cái lịch sử là cơ sở để nắm cái logic sâu hơn.

The two methods are tightly bound and together form the Marxist dialectical method of knowing history. Grasping the historical is the ground for grasping the logical more deeply.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hiểu “phương pháp lịch sử” là học thuộc lòng diễn biến. Giáo trình nói rõ phương pháp lịch sử **không có nghĩa là học thuộc** sự kiện; nó đòi hiểu tính chất, bản chất sự kiện, nên không tách rời phương pháp logic.

Taking the “historical method” to mean memorising the sequence of events. The textbook states that

the historical method does not mean rote learning; it requires grasping the nature and essence of events, so it is inseparable from the logical method.

Các phương pháp khác và cách học của sinh viên — *Other methods and how students study*

- Tổng kết thực tiễn lịch sử gắn với nghiên cứu lý luận, để rút kinh nghiệm, bài học, quy luật.
Summing up historical practice together with theoretical research, to draw experience, lessons and laws.
- So sánh: giữa các giai đoạn, thời kỳ; giữa các sự kiện; giữa trong nước và thế giới.
Comparison: between stages and periods; between events; between Vietnam and the world.
- Vận dụng lý luận vào thực tiễn: dùng triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích sự kiện Việt Nam.
Applying theory to practice: use philosophy, political economy, scientific socialism and Hồ Chí Minh Thought to explain Vietnamese events.
- Với sinh viên: nghe giảng để nắm nội dung cơ bản; làm việc nhóm, thảo luận vấn đề giảng viên nêu; dùng công nghệ thông tin; học tại bảo tàng và di tích gắn với sự lãnh đạo của Đảng; thi theo quy chế.
For students: attend lectures for the core content; work in groups on issues the lecturer raises; use information technology; study at museums and sites tied to Party leadership; sit exams by the rules.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Bài tập so sánh tự làm: đặt cạnh nhau Đại hội II (2/1951) và Đại hội III (9/1960). Cả hai đều nêu đường lối chung, nhưng Đại hội II hướng vào kháng chiến chống Pháp, còn Đại hội III đặt hai chiến lược cho hai miền: miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Phép so sánh giúp nhớ cả hai đại hội bằng một sơ đồ.

A self-made comparison drill: put the 2nd Congress (2/1951) beside the 3rd (9/1960). Both set a general line, but the 2nd targets the resistance against France, while the 3rd sets two strategies for two zones: the North carries out the socialist revolution, the South the people's national democratic revolution. The comparison lets one diagram hold both congresses.

Tính khoa học và tính đảng — *Scientific character and Party character*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Tính khoa học <i>Scientific character</i>	Tính đảng <i>Party character</i>
Yêu cầu cốt lõi <i>Core demand</i>	Kết quả nghiên cứu phải đạt chân lý khách quan <i>Findings must reach objective truth</i>	Đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Stand on the ground of Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh Thought</i>
Đòi hỏi với người học <i>Demand on the learner</i>	Trung thực, tôn trọng hiện thực, đánh giá có luận cứ; phương pháp sáng tạo, nghiêm túc, có trách nhiệm <i>Honesty, respect for facts, argued assessments; creative, rigorous, responsible methods</i>	Phản ánh đúng quan điểm, đường lối của Đảng; biểu dương cái đúng, phê phán cái sai, cái lạc hậu và quan điểm sai trái của thế lực thù địch <i>Reflect the Party's views and lines correctly; praise the right, criticise the wrong, the backward and hostile distortions</i>
Quan hệ <i>Relation</i>	Thống nhất với tính đảng <i>Unified with Party character</i>	Thống nhất với tính khoa học; cùng phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội <i>Unified with scientific character; both serve national independence and socialism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai phương pháp cơ bản: **lịch sử** và **logic**, thống nhất trong phương pháp biện chứng mácxít. Phương pháp khác: **tổng kết thực tiễn gắn nghiên cứu lý luận, so sánh, vận dụng lý luận vào thực tiễn**. Nguyên tắc xuyên suốt: **tính khoa học thống nhất với tính đảng**.

Two basic methods: historical and logical, unified in Marxist dialectics. Other methods: summing up practice with theoretical research, comparison, applying theory to practice. The guiding principle: scientific character unified with Party character.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết rằng tính đảng và tính khoa học “mâu thuẫn, phải ưu tiên một bên”. Giáo trình khẳng định hai tính chất **thống nhất**: tính đảng đòi phản ánh đúng, và chỉ phản ánh đúng khi trung thực với sự thật lịch sử.

Writing that Party character and scientific character “conflict, so one must take priority”. The textbook affirms they are unified: Party character requires correct reflection, and reflection is correct only when true to historical fact.

0.4. Nội dung, mục đích môn học và cách học môn Lịch sử Đảng — *Course content, purposes and how to study Party history*

Ba thời kỳ của môn học — *The course's three periods*

Với sinh viên đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, môn học có **2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết)**, chia theo ba thời kỳ.

For undergraduates outside political-theory majors, the course has 2 credits (30 theory periods), organised in three periods.

Chương Chapter	Thời kỳ Period	Trục nội dung Content axis	Mốc mở và đóng Opening and closing milestones
Chương 1 Chapter 1	1930 – 1945 1930 – 1945	Đảng ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; các phong trào 1930 – 1931, 1936 – 1939, cao trào 1939 – 1945 <i>The Party's birth and its struggle for power; the movements of 1930 – 1931, 1936 – 1939, the 1939 – 1945 upsurge</i>	3/2/1930 thành lập Đảng → Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945 <i>Founding 3/2/1930 → Declaration of Independence 2/9/1945</i>
Chương 2 Chapter 2	1945 – 1975 1945 – 1975	Hai cuộc kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước <i>Two resistance wars, building socialism in the North, reunification</i>	Điện Biên Phủ 7/5/1954, Hiệp định Genève 21/7/1954 → giải phóng miền Nam 30/4/1975 <i>Điện Biên Phủ 7/5/1954, Geneva 21/7/1954 → liberation of the South 30/4/1975</i>
Chương 3 Chapter 3	Từ 1975 đến nay 1975 to the present	Cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc, đổi mới <i>The whole country in transition to socialism, defending the country, Đổi Mới</i>	Đại hội IV 12/1976 → Đại hội VI 12/1986 → các đại hội thời đổi mới <i>4th Congress 12/1976 → 6th Congress 12/1986 → the Đổi Mới congresses</i>

Hồ Chí Minh gọi lịch sử Đảng là “cả một pho lịch sử bằng vàng” (Toàn tập, t.12, tr.404). Mục đích môn học: hiểu Đảng là đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam; giáo dục lý tưởng, truyền thống; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; chuẩn bị nhận thức cho thế hệ trẻ khi vào Đảng và tham gia xây dựng Đảng.

Hồ Chí Minh called Party history “a whole golden book of history” (Complete Works, vol. 12, p.404). The course aims to show the Party as the vanguard leading the Vietnamese revolution; to educate in ideals and traditions; to strengthen trust in Party leadership; to prepare young people's understanding when they join and help build the Party.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Hiệp định Genève ký ngày 7/5/1954. Ngày 7/5/1954 là ngày kết thúc Chiến dịch Điện Biên Phủ; Hiệp định Genève ký ngày 21/7/1954. Hai mốc cách nhau hơn hai tháng.

Writing that the Geneva Agreements were signed on 7/5/1954. 7/5/1954 is the end of the Điện Biên Phủ Campaign; the Geneva Agreements were signed on 21/7/1954, more than two months later.

Cách học: khung bốn câu cho mọi sự kiện — *How to study: a four-question frame for every event*

Câu hỏi thi môn này thường xoay quanh một hội nghị, một đại hội hoặc một văn kiện. Trả lời theo bốn câu cố định giúp bài không sót ý và đúng trọng tâm chủ trương của Đảng.

Exam questions in this subject usually centre on one plenum, one congress or one document. Answering with four fixed questions keeps the essay complete and focused on Party policy.

Bước c Step	Câu hỏi Question	Ghi gì What to write	Áp vào Đại hội VI (12/1986) Applied to the 6th Congress (12/1986)
1 1	Bối cảnh Context	Tình hình thế giới, trong nước; mâu thuẫn hoặc khó khăn buộc Đảng phải ra chủ trương <i>World and domestic situation; the problem forcing a decision</i>	Khủng hoảng kinh tế – xã hội; lạm phát năm 1986 trên 774%; thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại <i>Socio-economic crisis; inflation above 774% in 1986; the world moving from confrontation to dialogue</i>
2 2	Chủ trương Policy	Hội nghị nào, ngày tháng, nội dung văn kiện, điểm mới so với trước <i>Which meeting, date, document content, what is new</i>	Đổi mới toàn diện, trước hết tư duy kinh tế; kinh tế nhiều thành phần; xóa cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp <i>Comprehensive renewal, economic thinking first; a multi-sector economy; ending bureaucratic centralism and subsidies</i>
3 3	Thực hiện Implementation	Các bước cụ thể hóa sau đó, kết quả có số liệu <i>Later steps that made it concrete, with figures</i>	Khoán 10 (5/4/1988); xóa tem phiếu cuối 1988; lạm phát còn 67,1% năm 1991 <i>Contract 10 (5/4/1988); ration coupons abolished end-1988; inflation down to 67.1% in 1991</i>
4 4	Ý nghĩa, kinh nghiệm <i>Significance, experience</i>	Vị trí của sự kiện trong tiến trình; bài học; liên hệ hôm nay <i>Place in the course; lessons; link to today</i>	Mở đầu thời kỳ đổi mới; bài học nhìn thẳng vào sự thật; hạn chế: chưa gỡ được rồi ren phân phối, lưu thông <i>Opens the Đổi Mới era; the lesson of facing the truth; limit: distribution and circulation still in disarray</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ khung: “**Vì sao – Làm gì – Làm thế nào – Được gì**”. Câu hỏi “**Vì sao năm X Đảng chủ trương Y mà không Z?**” chỉ cần mở rộng bước 1: so sánh điều kiện của Y và Z trong bối cảnh năm X.

Memory hook for the frame: “Why – What – How – What came of it”. A question “Why did the Party choose Y and not Z in year X?” only needs step 1 widened: compare the conditions for Y and Z in the setting of year X.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết phần ý nghĩa bằng câu chung chung dùng được cho mọi đại hội. Ý nghĩa phải gắn một điểm mới **riêng** của sự kiện: Đại hội IV gắn với tên Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội VI gắn với đổi mới toàn diện.

*Writing the significance with a stock sentence that fits any congress. Significance must hang on a point **specific** to the event: the 4th Congress with the name Communist Party of Vietnam and the nationwide line to socialism; the 6th with comprehensive Đổi Mới.*

Bảng tổng quan các kỳ Đại hội I – XIV — *Overview of the 1st to 14th National Congresses*

Bảng dùng làm bản đồ cho cả môn học. Mốc I – XIII lấy theo giáo trình; giáo trình chỉ ghi tháng cho Đại hội I và III. Mốc Đại hội XIV lấy từ báo chính thống năm 2026. Ô “—” là chỗ giáo trình không ghi địa điểm.

The table serves as a map of the whole course. Milestones for I – XIII follow the textbook, which gives only the month for the 1st and 3rd Congresses. The 14th Congress dates come from official 2026 press reports. A “—” marks where the textbook gives no venue.

Đại hội Congre ss	Thời gian Dates	Địa điểm Venue	Dấu ấn chính Main mark	Tổng Bí thư được bầu General Secretary elected
I <i>1st</i>	3/1935 <i>3/1935</i>	Ma Cao (Trung Quốc) <i>Macau (China)</i>	Khôi phục hệ thống tổ chức; ba nhiệm vụ trước mắt; Điều lệ Đảng <i>Organisation restored; three immediate tasks; Party Statute</i>	Lê Hồng Phong <i>Lê Hồng Phong</i>
II <i>2nd</i>	11 – 19/2/1951 <i>11 – 19/2/1951</i>	Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang <i>Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang</i>	Đảng ra công khai, lấy tên Đảng Lao động Việt Nam; Chính cương; “Đại hội kháng chiến kiến quốc” <i>The Party operates openly as the Vietnam Workers’ Party; Political Programme; “congress of resistance and nation-building”</i>	Trưởng Chinh (Hồ Chí Minh: Chủ tịch Đảng) <i>Trưởng Chinh (Hồ Chí Minh: Party Chairman)</i>
III <i>3rd</i>	9/1960 <i>9/1960</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Hai chiến lược cách mạng ở hai miền; Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) <i>Two revolutionary strategies for two zones; First Five-Year Plan (1961 – 1965)</i>	Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất <i>Lê Duẩn, First Secretary</i>

Đại hội Congre ss	Thời gian Dates	Địa điểm Venue	Dấu ấn chính Main mark	Tổng Bí thư được bầu General Secretary elected
IV 4th	14 – 20/12/1976 <i>14 – 20/12/1976</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Đổi tên thành Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; kế hoạch 1976 – 1980 <i>Renamed the Communist Party of Vietnam; nationwide line to socialism; 1976 – 1980 plan</i>	Lê Duẩn <i>Lê Duẩn</i>
V 5th	27 – 31/3/1982 <i>27 – 31/3/1982</i>	— —	Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; hai nhiệm vụ chiến lược <i>First stage of the transition; agriculture as the leading front; two strategic tasks</i>	Lê Duẩn <i>Lê Duẩn</i>
VI 6th	15 – 18/12/1986 <i>15 – 18/12/1986</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện <i>Launches the comprehensive Đổi Mới line</i>	Nguyễn Văn Linh <i>Nguyễn Văn Linh</i>
VII 7th	24 – 27/6/1991 <i>24 – 27/6/1991</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Cương lĩnh năm 1991; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 <i>1991 Platform; Strategy for stabilisation and socio-economic development to 2000</i>	Đỗ Mười <i>Đỗ Mười</i>
VIII 8th	28/6 – 1/7/1996 <i>28/6 – 1/7/1996</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 10 năm đổi mới; chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa <i>Sums up 10 years of Đổi Mới; moves to the stage of accelerated industrialisation and modernisation</i>	Đỗ Mười <i>Đỗ Mười</i>
IX 9th	19 – 22/4/2001 <i>19 – 22/4/2001</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát; Chiến lược 2001 – 2010 <i>The socialist-oriented market economy as the overall model; 2001 – 2010 Strategy</i>	Nông Đức Mạnh <i>Nông Đức Mạnh</i>

Đại hội <i>Congress</i>	Thời gian <i>Dates</i>	Địa điểm <i>Venue</i>	Dấu ấn chính <i>Main mark</i>	Tổng Bí thư được bầu <i>General Secretary elected</i>
X <i>10th</i>	18 – 25/4/2006 <i>18 – 25/4/2006</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 20 năm đổi mới; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt <i>Sums up 20 years of Đổi Mới; Party building and rectification as the key task</i>	Nông Đức Mạnh <i>Nông Đức Mạnh</i>
XI <i>11th</i>	12 – 19/1/2011 <i>12 – 19/1/2011</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược 2011 – 2020 <i>Platform (supplemented and developed in 2011); 2011 – 2020 Strategy</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XII <i>12th</i>	20 – 28/1/2016 <i>20 – 28/1/2016</i>	— —	Tổng kết 30 năm đổi mới; Đại hội “Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đổi mới” <i>Sums up 30 years of Đổi Mới; the congress of “Unity – Democracy – Discipline – Renewal”</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XIII <i>13th</i>	25/1 – 1/2/2021 <i>25/1 – 1/2/2021</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Tổng kết 35 năm đổi mới; mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 <i>Sums up 35 years of Đổi Mới; goals to 2030 and a vision to 2045</i>	Nguyễn Phú Trọng <i>Nguyễn Phú Trọng</i>
XIV <i>14th</i>	19 – 23/1/2026 <i>19 – 23/1/2026</i>	Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội <i>National Convention Center, Hà Nội</i>	Phương châm “Đoàn kết – Dân chủ – Kỷ cương – Đột phá – Phát triển” <i>Motto “Unity – Democracy – Discipline – Breakthrough – Development”</i>	Tô Lâm (tiếp tục) <i>Tô Lâm (re-elected)</i>

Giữa hai kỳ đại hội có những thay đổi nhân sự do Hội nghị Trung ương quyết định: Hội nghị bất thường ngày 14/7/1986 bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư sau khi Lê Duẩn qua đời (10/7/1986); Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (12/1997) bầu Lê Khả Phiêu. Sau khi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần (19/7/2024), Trung ương bầu đồng chí Tô Lâm làm Tổng Bí thư ngày 3/8/2024.

Between congresses some leadership changes were decided by Central Committee plenums: an extraordinary plenum on 14/7/1986 elected Trường Chinh General Secretary after Lê Duẩn died (10/7/1986); the 4th Plenum of the 8th Central Committee (12/1997) elected Lê Khả Phiêu. After General Secretary Nguyễn Phú Trọng died (19/7/2024), the Central Committee elected Tô Lâm General Secretary on 3/8/2024.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Bốn đại hội mang dấu mốc tên gọi và cương lĩnh: **Đại hội II (2/1951)** – tên Đảng Lao động Việt Nam, Chính cương; **Đại hội IV (12/1976)** – tên Đảng Cộng sản Việt Nam; **Đại hội VII (6/1991)** – Cương lĩnh 1991; **Đại hội XI (1/2011)** – Cương lĩnh bổ sung, phát triển. **Đại hội VI (12/1986)** mở đầu đổi mới.

Four congresses mark names and platforms: 2nd (2/1951) – the name Vietnam Workers’ Party, the Political Programme; 4th (12/1976) – the name Communist Party of Vietnam; 7th (6/1991) – the 1991 Platform; 11th (1/2011) – the revised Platform. The 6th (12/1986) opens Đổi Mới.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ nhịp đại hội thời đổi mới: từ Đại hội VI, các kỳ sau cách nhau đều 5 năm và mỗi kỳ tổng kết thêm 5 năm đổi mới: VIII tổng kết 10 năm (1996), X tổng kết 20 năm (2006), XII tổng kết 30 năm (2016), XIII tổng kết 35 năm (2021). Năm đại hội trừ 1986 ra đúng số năm đổi mới được tổng kết.

A hook for the Đổi Mới congress rhythm: from the 6th onward, congresses come every 5 years and each sums up 5 more years of Đổi Mới: the 8th sums up 10 years (1996), the 10th 20 years (2006), the 12th 30 years (2016), the 13th 35 years (2021). The congress year minus 1986 gives the years summed up.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm “Bí thư thứ nhất” với “Tổng Bí thư” ở Đại hội III. Năm 1960 Lê Duẩn được bầu làm **Bí thư thứ nhất**, Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng; đến Đại hội IV (1976) Lê Duẩn mới được bầu làm **Tổng Bí thư**.

*Confusing “First Secretary” with “General Secretary” at the 3rd Congress. In 1960 Lê Duẩn was elected **First Secretary**, with Hồ Chí Minh as Party Chairman; only at the 4th Congress (1976) was Lê Duẩn elected **General Secretary**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Đại hội I họp năm 1930 vì “Đảng thành lập năm 1930”. Năm 1930 là **Hội nghị thành lập Đảng**; Đại hội I họp tháng 3/1935 ở Ma Cao, sau thời gian khôi phục tổ chức bị khủng bố trắng tàn phá.

*Dating the 1st Congress to 1930 because “the Party was founded in 1930”. 1930 is the **founding conference**; the 1st Congress met in 3/1935 in Macau, after the organisation was restored from the white terror.*

0.5. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Xếp mốc và tách loại sự kiện — *Exercise 1. Ordering milestones and sorting event types*

Trong buổi ôn tập, nhóm của Vy nhận sáu thẻ ghi sự kiện, xếp lộn xộn: (a) Đại hội IV đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam; (b) Bộ Chính trị họp ngày 6/12/1953 quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ; (c) Đại hội I của Đảng họp ở Ma Cao; (d) quân ta nổ súng mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 13/3/1954; (e) Đại hội VI khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện; (f) Đại hội II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam. Yêu cầu: xếp theo thời gian, ghi năm, gắn mỗi thẻ vào một trong ba thời kỳ của môn học, và chỉ ra thẻ nào là sự kiện lịch sử Đảng, thẻ nào là sự kiện quân sự.

At a revision session, Vy’s group gets six event cards in random order: (a) the 4th Congress renames the Vietnam Workers’ Party the Communist Party of Vietnam; (b) the Politburo meets

on 6/12/1953 and decides to open the Điện Biên Phủ Campaign; (c) the Party's 1st Congress meets in Macau; (d) our troops open fire to start the Điện Biên Phủ Campaign on 13/3/1954; (e) the 6th Congress launches the comprehensive Đổi Mới line; (f) the 2nd Congress decides that the Party operates openly as the Vietnam Workers' Party. Task: put them in time order with years, place each card in one of the course's three periods, and say which cards are Party history events and which are military events.

1. Ghi năm cho từng thẻ: (c) 3/1935; (f) 2/1951; (b) 6/12/1953; (d) 13/3/1954; (a) 12/1976; (e) 12/1986. Thứ tự đúng: c – f – b – d – a – e.
Year each card: (c) 3/1935; (f) 2/1951; (b) 6/12/1953; (d) 13/3/1954; (a) 12/1976; (e) 12/1986. Correct order: c – f – b – d – a – e.
2. Gắn thời kỳ: (c) thuộc 1930 – 1945; (f), (b), (d) thuộc 1945 – 1975; (a), (e) thuộc giai đoạn từ 1975 đến nay. Thẻ (a) dễ bị xếp nhầm vào 1945 – 1975 vì gần mốc 1975; Đại hội IV họp sau ngày thống nhất hơn một năm.
Assign periods: (c) belongs to 1930 – 1945; (f), (b), (d) to 1945 – 1975; (a), (e) to 1975 to the present. Card (a) is often put in 1945 – 1975 because it sits near 1975; the 4th Congress met more than a year after reunification.
3. Tách loại sự kiện: (b) là quyết định của cơ quan lãnh đạo Đảng, tức sự kiện lịch sử Đảng; (d) là diễn biến tác chiến, thuộc lịch sử quân sự. Cả hai cùng nói về Điện Biên Phủ nhưng khác chủ thể và khác câu hỏi cần trả lời.
Sort event types: (b) is a decision by a Party leading body, a Party history event; (d) is a combat development, part of military history. Both concern Điện Biên Phủ but differ in actor and in the question they answer.
4. Bốn thẻ đại hội (c, f, a, e) đều là sự kiện lịch sử Đảng vì gắn với đường lối hoặc tổ chức của Đảng: khôi phục tổ chức, đổi tên và hoạt động công khai, đổi tên lần nữa, đổi mới đường lối.
The four congress cards (c, f, a, e) are all Party history events because they concern the Party's line or organisation: restoring the organisation, renaming and operating openly, renaming again, renewing the line.
5. Kết luận khi trình bày: nêu sự kiện kèm chủ thể ra quyết định; với một trận đánh, câu hỏi của môn Lịch sử Đảng là Đảng chủ trương gì trước và sau trận đánh, không phải diễn biến từng đợt tiến công.
Conclusion for the answer: state each event with the body that decided it; for a battle, the Party history question is what the Party decided before and after it, not the course of each assault wave.

Bài 2. “Học lịch sử Đảng là học thuộc ngày tháng” — Exercise 2. “Studying Party history means memorising dates”

Trong nhóm học, Khang nói: “Môn này chỉ cần thuộc ngày tháng, tên hội nghị là đủ điểm. Còn kinh nghiệm hay bài học thì ai viết chẳng giống nhau.” Thảo, đang làm trưởng nhóm dự án chuyển đổi số ở một công ty phần mềm, đáp: “Công ty mình họp rút kinh nghiệm sau mỗi đợt triển khai, nhưng cuối năm mới đúc thành nguyên tắc chung. Môn này cũng có tầng như thế.” Dùng quan hệ giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic, cùng các tầng tổng kết kinh nghiệm – bài học – quy luật, để đánh giá hai ý kiến.

In a study group Khang says: “For this subject you only need dates and conference names to pass. Lessons and experience read the same whoever writes them.” Thảo, who leads a digital transformation project at a software company, replies: “My company reviews each roll-out right after it ends, but only turns those notes into general rules at year’s end. This subject has the same layers.” Use the relation between the historical and the logical method, and the layers of experience – lesson – law, to assess both views.

1. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nắm thời gian, không gian, tên người, tên đất; ý của Khang đúng ở phần này. Sai lầm nằm ở chữ “chỉ cần”: phương pháp lịch sử còn đòi hỏi tính chất của sự kiện, nên không tách khỏi phương pháp logic.
The historical method requires time, place and names; Khang is right on that part. The error lies in “only”: the historical method also requires understanding the nature of an event, so it cannot be separated from the logical method.
2. Phương pháp logic đi tìm cái bản chất, cái lặp lại. Ví dụ: Đại hội VI (12/1986) và Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) cách nhau hai năm, nhưng cùng một mạch: đổi mới phương thức, giữ mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Thuộc hai mốc mà không thấy mạch đó thì bài tự luận chỉ còn liệt kê.
The logical method looks for the essential and the recurrent. Example: the 6th Congress (12/1986) and the 6th Plenum (3/1989) are two years apart but follow one thread: change the methods, keep the socialist goal. Knowing both dates without the thread turns an essay into a list.
3. Ba tầng tổng kết: kinh nghiệm gắn một sự kiện hoặc một giai đoạn; bài học khái quát cho một thời kỳ dài hoặc một vấn đề chiến lược; quy luật và vấn đề lý luận ở tầng cao nhất. Ví dụ của Thảo khớp với hai tầng đầu: họp sau từng đợt là kinh nghiệm, nguyên tắc cuối năm là bài học.
Three layers of summing up: experience tied to one event or stage; a lesson generalised over a long period or a strategic issue; laws and theoretical issues at the top. Thảo’s example fits the first two: the review after each roll-out is experience, the year-end rule is a lesson.
4. Ý “bài học ai viết cũng giống nhau” sai vì mỗi tầng tổng kết phải dựa vào sự kiện cụ thể làm chứng cứ. Một bài học không gắn được với mốc và văn kiện là khẩu hiệu, không phải kết luận khoa học.
The view that “lessons read the same” is wrong because each layer must rest on concrete events as evidence. A lesson that cannot be tied to milestones and documents is a slogan, not a scientific conclusion.
5. Liên hệ: một dự án chuyển đổi số chỉ ghi nhật ký ngày giờ (phương pháp lịch sử) mà không phân tích vì sao lần triển khai này hỏng (phương pháp logic) sẽ lặp lại lỗi cũ; ngược lại, chỉ nêu nguyên tắc chung mà không có nhật ký thì không kiểm chứng được.
Link: a digital transformation project that only logs dates and times (historical method) without asking why a roll-out failed (logical method) repeats old mistakes; conversely, general rules with no log cannot be checked.
6. Kết luận: ý của Khang phiến diện; ý của Thảo đúng hướng. Hai phương pháp thống nhất với nhau và cùng gắn với nguyên tắc tính khoa học, tính đảng.

Conclusion: Khang's view is one-sided; Thảo's is on the right track. The two methods are unified and both tied to the principles of scientific character and Party character.

0.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Question 1. *Present the subject matter of the course History of the Communist Party of Vietnam.*

- Định nghĩa: đối tượng là “sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử” (giáo trình 2021, tr.13).

General definition: the subject matter is the birth, development and leadership activity of the Party across historical periods.

- Thứ nhất, các sự kiện lịch sử Đảng: nắm nội dung, tính chất, bản chất; tách sự kiện lịch sử Đảng khỏi sự kiện lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự cùng thời điểm.

First, Party history events: their content, nature and essence; separate them from national history and military history events of the same moment.

- Thứ hai, Cương lĩnh và đường lối: các cương lĩnh 2/1930, 10/1930, 2/1951, 6/1991, bổ sung 2011; đường lối là cụ thể hóa cương lĩnh trên từng vấn đề nổi bật.

Second, the Platform and lines: the platforms of 2/1930, 10/1930, 2/1951, 6/1991 and the 2011 revision; lines concretise the platform on each salient issue.

- Thứ ba, quá trình lãnh đạo, tổ chức thực tiễn: thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học, cả khuyết điểm Đảng tự nêu; các truyền thống của Đảng.

Third, the process of leading and organising practice: victories, achievements, experience, lessons, including shortcomings the Party itself admits; the Party's traditions.

- Thứ tư, hệ thống tổ chức và công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức.

Fourth, the organisational system and Party building in politics, ideology, organisation and ethics.

- Liên hệ: chọn một sự kiện (ví dụ Đại hội VI, 12/1986) và chỉ ra nó chạm tới đối tượng nào trong bốn đối tượng trên.

Link: pick one event (for example the 6th Congress, 12/1986) and show which of the four objects it touches.

Câu 2. Phân tích chức năng và nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng. Vì sao nói nhiệm vụ tổng kết là nhiệm vụ ở tầm cao nhất?

Question 2. *Analyse the functions and tasks of the science of Party history. Why is summing up called the highest-level task?*

- Ba chức năng: nhận thức (tri thức có hệ thống, quy luật), giáo dục (yêu nước, lý tưởng, truyền thống, đạo đức), dự báo và phê phán (thấy trước, tự phê bình và phê bình).

Three functions: cognition (systematic knowledge, laws), education (patriotism, ideals, traditions, ethics), forecasting and critique (foresight, self-criticism and criticism).

- Quan hệ: nhiệm vụ xuất phát từ đối tượng và cụ thể hóa chức năng.

Relation: the tasks stem from the subject matter and concretise the functions.

- Bốn nhiệm vụ: trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối; tái hiện tiến trình lãnh đạo, đấu tranh; tổng kết lịch sử; làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng.
Four tasks: present the Platform and lines systematically; recreate the course of leadership and struggle; sum up history; clarify the role and fighting capacity of the Party organisation system.
- Tổng kết vượt lên mô tả: đi từ kinh nghiệm (gắn sự kiện) lên bài học (gắn thời kỳ, vấn đề chiến lược) rồi quy luật, vấn đề lý luận.
Summing up goes beyond description: from experience (tied to events) to lessons (tied to periods or strategic issues) to laws and theoretical issues.
- Dẫn chứng: Đại hội VIII (1996) tổng kết 10 năm đổi mới và kết luận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn.
Evidence: the 8th Congress (1996) summed up 10 years of Đổi Mới and concluded that the path to socialism was becoming ever clearer.

Câu 3. Trình bày các phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng. Phân biệt phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Question 3. *Present the methods of researching and studying Party history. Distinguish the historical and the logical method.*

- Phương pháp luận: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử cụ thể; tư tưởng Hồ Chí Minh làm định hướng, chống giáo điều và chủ quan duy ý chí.
Methodology: dialectical and historical materialism; the objective, comprehensive, developmental and concrete-historical viewpoints; Hồ Chí Minh Thought as orientation, against dogmatism and subjective voluntarism.
- Phương pháp lịch sử: dựng lại tiến trình đúng như đã diễn ra, chú ý cái đặc thù, cái không lặp, bước quanh co; coi trọng thời gian, không gian, nhân vật.
Historical method: rebuild the course as it happened, with attention to the particular, the non-repeating, the detours; care for time, place and actors.
- Phương pháp logic: khái quát cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại; chọn sự kiện, giai đoạn điển hình để tìm quy luật.
Logical method: generalise the essential, the universal, the recurrent; choose typical events and stages to find laws.
- Hai phương pháp thống nhất trong phương pháp biện chứng mácxít; gắn với tính khoa học và tính đảng.
The two methods are unified in Marxist dialectics and tied to scientific and Party character.
- Phương pháp khác: tổng kết thực tiễn gắn nghiên cứu lý luận, so sánh; với sinh viên: nghe giảng, làm việc nhóm, dùng công nghệ thông tin, học tại bảo tàng và di tích.
Other methods: summing up practice with theoretical research, comparison; for students: lectures, group work, information technology, visits to museums and historical sites.

0.7. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

1. Theo giáo trình, đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là gì?

According to the textbook, what is the subject matter of the science of Party history?

- A. Toàn bộ lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước / *The whole history of the Vietnamese nation since its founding*
- B. Sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ / *The birth, development and leadership activity of the Party across periods*
- C. Lịch sử các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc / *The history of the wars of national liberation*
- D. Hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin / *The theoretical system of Marxism-Leninism*

2. Cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng (nay là Viện Lịch sử Đảng) được thành lập năm nào?

In which year was the specialised body for Party history research (now the Institute of Party History) founded?

- A. 1933 / *1933*
- B. 1960 / *1960*
- C. 1962 / *1962*
- D. 1992 / *1992*

3. Tác phẩm Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương (1933) do ai viết, ký tên Hồng Thế Công?

Who wrote A Draft History of the Indochinese Communist Movement (1933) under the name Hồng Thế Công?

- A. Hà Huy Tập / *Hà Huy Tập*
- B. Trần Phú / *Trần Phú*
- C. Lê Hồng Phong / *Lê Hồng Phong*
- D. Nguyễn Văn Cừ / *Nguyễn Văn Cừ*

4. Văn kiện nào KHÔNG thuộc danh sách cương lĩnh mà giáo trình liệt kê?

Which document is NOT among the platforms listed by the textbook?

- A. Luận cương chính trị (10/1930) / *Political Thesis (10/1930)*
- B. Chính cương của Đảng (2/1951) / *Political Programme of the Party (2/1951)*
- C. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (6/1991) / *Platform for national construction in the transition period (6/1991)*
- D. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) / *Resolution of the 8th Plenum (5/1941)*

5. Năm 1942, trong tác phẩm Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh dự báo điều gì? Câu này minh họa chức năng nào?
In 1942, in The History of Our Country, what did Hồ Chí Minh forecast, and which function does it illustrate?
- A. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng giáo dục / “In 1945 Vietnam will be independent” – education
 - B. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng dự báo / “In 1945 Vietnam will be independent” – forecasting
 - C. “Năm 1954 Việt Nam độc lập” – chức năng dự báo / “In 1954 Vietnam will be independent” – forecasting
 - D. “Năm 1945 Việt Nam độc lập” – chức năng nhận thức / “In 1945 Vietnam will be independent” – cognition
6. Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp ở đâu, khi nào?
Where and when did the Party’s 1st Congress meet?
- A. Ma Cao, 3/1935 / *Macau, 3/1935*
 - B. Hương Cảng, 10/1930 / *Hong Kong, 10/1930*
 - C. Tân Trào, 8/1945 / *Tân Trào, 8/1945*
 - D. Chiêm Hóa, 2/1951 / *Chiêm Hóa, 2/1951*
7. Phương pháp nào trình bày sự kiện theo đúng trình tự thời gian, tái hiện diễn biến cụ thể của từng giai đoạn?
Which method presents events in chronological order, reconstructing how each period actually unfolded?
- A. Phương pháp logic / *The logical method*
 - B. Phương pháp so sánh / *The comparative method*
 - C. Phương pháp lịch sử / *The historical method*
 - D. Phương pháp tổng kết thực tiễn / *The method of reviewing practice*

Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) — Chapter 1. The founding of the Communist Party of Vietnam and its leadership of the struggle for power (1930 – 1945)

1.1. Bối cảnh lịch sử và cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước — Historical context and the crisis of the line of national salvation

Đề thi về sự ra đời của Đảng hầu như luôn mở bằng câu hỏi “vì sao”. Câu trả lời gồm hai lớp: thế giới đã có lời giải mới (con đường cách mạng vô sản), còn trong nước mọi lời giải cũ đều đã thất bại.

Exam questions on the Party's founding almost always start with “why”. The answer has two layers: the world now offered a new solution (the proletarian revolutionary path), while at home every old solution had failed.

Tình hình thế giới — The world situation

Chuyển biến <i>Change</i>	Thời điểm <i>Time</i>	Tác động tới các nước thuộc địa <i>Impact on the colonies</i>
Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa) <i>Capitalism moves to its monopoly (imperialist) stage</i>	Nửa sau thế kỷ XIX <i>Second half of the 19th century</i>	Các nước đế quốc tăng cường xâm chiếm châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh; phong trào giải phóng dân tộc lan rộng, mạnh nhất ở châu Á <i>Imperial powers step up conquest in Asia, Africa and Latin America; national liberation movements spread, strongest in Asia</i>
Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi <i>Victory of the Russian October Revolution</i>	1917 <i>1917</i>	Lần đầu một cuộc cách mạng vô sản giành chính quyền; mở ra hướng đi mới cho các dân tộc bị áp bức <i>For the first time a proletarian revolution takes power; a new direction opens for oppressed peoples</i>
Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) thành lập, do V.I. Lênin đứng đầu <i>The Communist International (Third International) is founded, headed by Lenin</i>	Tháng 3/1919 <i>March 1919</i>	Có bộ tham mưu chung của phong trào cộng sản; bàn cả vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ phong trào giải phóng <i>A common general staff for the communist movement; it also takes up the national and colonial question and aids liberation movements</i>
Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa <i>Second Comintern Congress adopts the Preliminary Draft Theses on the National and Colonial Questions</i>	1920 <i>1920</i>	Văn kiện mà Nguyễn Ái Quốc đọc được tháng 7/1920 — chìa khóa cho bước ngoặt tư tưởng của Người <i>The text Nguyễn Ái Quốc read in July 1920 — the key to his ideological turn</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1917”. Năm 1917 là Cách mạng Tháng Mười; Quốc tế Cộng sản ra đời **tháng 3/1919**. Sơ thảo luận cương của Lênin thuộc **Đại hội II (1920)**, không phải Đại hội thành lập.

*Writing “the Communist International was founded in 1917”. 1917 is the October Revolution; the Comintern was born in **March 1919**. Lenin’s Draft Theses belong to the **Second Congress (1920)**, not the founding congress.*

Thực dân Pháp xâm lược và cai trị Việt Nam — *French conquest and rule of Vietnam*

Thời gian <i>Time</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Hệ quả <i>Consequence</i>
1/9/1858 <i>1/9/1858</i>	Pháp nổ súng đánh Đà Nẵng <i>France opens fire on Đà Nẵng</i>	Mở đầu cuộc xâm lược, khi nhà Nguyễn đã khủng hoảng <i>Start of the conquest, with the Nguyễn dynasty already in crisis</i>
1862, 1874, 1883 <i>1862, 1874, 1883</i>	Triều Nguyễn ký các hiệp ước nhượng bộ <i>The Nguyễn court signs concession treaties</i>	Mất dần lãnh thổ và chủ quyền; năm 1862 Pháp lập nhà tù Côn Đảo <i>Step-by-step loss of land and sovereignty; in 1862 France sets up the Côn Đảo prison</i>
6/6/1884 <i>6/6/1884</i>	Hiệp ước Patenôt <i>The Patenôtre Treaty</i>	Triều đình đầu hàng; Việt Nam thành thuộc địa <i>The court surrenders; Vietnam becomes a colony</i>
17/10/1887 <i>17/10/1887</i>	Sắc lệnh lập Liên bang Đông Dương thuộc Pháp <i>Decree creating the French Indochinese Union</i>	Gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao; Việt Nam bị chia ba kỳ với ba chế độ khác nhau <i>Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cambodia and Laos; Vietnam split into three regions under three regimes</i>
1897 – 1914 <i>1897 – 1914</i>	Khai thác thuộc địa lần thứ nhất <i>First colonial exploitation</i>	Giai cấp công nhân hình thành; khoảng 10 vạn người năm 1913 <i>The working class takes shape; about 100,000 workers in 1913</i>
1919 – 1929 <i>1919 – 1929</i>	Khai thác thuộc địa lần thứ hai <i>Second colonial exploitation</i>	Công nhân hơn 22 vạn người cuối năm 1929 (trên 1,2% dân số); mâu thuẫn dân tộc gay gắt hơn <i>Over 220,000 workers by end-1929 (over 1.2% of the population); national contradiction sharpens</i>

- **Chính trị:** chính sách “chia để trị”, giữ bộ máy phong kiến bản xứ làm tay sai, đàn áp mọi cuộc nổi dậy bằng vũ lực.

Politics: a “divide and rule” policy, keeping the native feudal apparatus as a tool and crushing every uprising by force.

- **Kinh tế:** biến Đông Dương thành thị trường tiêu thụ hàng của chính quốc, vơ vét tài nguyên, dùng nhân công rẻ, đánh thuế nặng.
Economy: turning Indochina into a market for goods from the mother country, stripping resources, using cheap labour and imposing heavy taxes.
- **Văn hóa – xã hội:** chính sách ngu dân, nhà tù nhiều hơn trường học, dùng rượu cồn và thuốc phiện, tuyên truyền luận điệu “khai hóa văn minh”.
Culture and society: keeping the people ignorant, more prisons than schools, spreading alcohol and opium, and preaching the “civilising mission”.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hồ Chí Minh tổng kết thân phận dân tộc sau năm 1884: Việt Nam là “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác” (Toàn tập, t.12, tr.401).

Hồ Chí Minh summed up the nation’s fate after 1884: Vietnam was “a colony, our people slaves of a lost country, our Fatherland trampled under the iron heel of a cruel enemy” (Complete Works, vol. 12, p. 401).

Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội thuộc địa — *Classes and strata in colonial society*

Bảng dưới là công cụ trả lời câu “giai cấp nào đủ sức lãnh đạo?”. Đọc cột cuối theo hàng dọc: chỉ một dòng có chữ “có”.

The table below answers the question “which class could lead?”. Read the last column downwards: only one row says “yes”.

Giai cấp, tầng lớp <i>Class or stratum</i>	Nguồn gốc, đặc điểm <i>Origin and features</i>	Thái độ chính trị <i>Political attitude</i>	Khả năng lãnh đạo <i>Capacity to lead</i>
Địa chủ <i>Landlords</i>	Giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến, bị phân hóa <i>A basic class of feudal society, now split</i>	Một bộ phận làm tay sai; một bộ phận lãnh đạo phong trào Cần Vương; số ít chuyển sang kinh doanh <i>Some serve the French; some led Cần Vương; a few turn to business</i>	Không — ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời <i>No — the feudal banner is outdated</i>
Nông dân <i>Peasants</i>	Hơn 90% dân số, bị bóc lột nặng nhất <i>Over 90% of the population, the most exploited</i>	Mâu thuẫn với cả địa chủ và thực dân; khao khát độc lập và ruộng đất <i>In conflict with both landlords and colonialists; long for independence and land</i>	Không tự lãnh đạo được; là lực lượng đông đảo khi có tiên phong dẫn dắt <i>Cannot lead alone; a huge force once a vanguard guides it</i>

Giai cấp, tầng lớp <i>Class or stratum</i>	Nguồn gốc, đặc điểm <i>Origin and features</i>	Thái độ chính trị <i>Political attitude</i>	Khả năng lãnh đạo <i>Capacity to lead</i>
Công nhân <i>Workers</i>	Ra đời trong khai thác thuộc địa; phần lớn gốc nông dân; tập trung ở mỏ, đồn điền; còn nhỏ bé <i>Born of colonial exploitation; mostly of peasant origin; concentrated in mines and plantations; still small</i>	Sớm tiếp thu tư tưởng tiên tiến, đi nhanh từ tự phát lên tự giác <i>Quickly absorbs advanced ideas, moving fast from spontaneous to conscious struggle</i>	Có — giai cấp duy nhất đủ năng lực lãnh đạo <i>Yes — the only class able to lead</i>
Tư sản <i>Bourgeoisie</i>	Xuất hiện muộn hơn công nhân; chia thành tư sản mại bản và tư sản dân tộc <i>Appears later than the workers; split into comprador and national bourgeoisie</i>	Tư sản dân tộc yêu nước nhưng bị chèn ép, yếu về kinh tế <i>The national bourgeoisie is patriotic but squeezed and economically weak</i>	Không — không tập hợp nổi các giai tầng <i>No — cannot rally the other strata</i>
Tiểu tư sản <i>Petty bourgeoisie</i>	Tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên <i>Small traders, small owners, pupils and students</i>	Yêu nước, nhạy cảm chính trị, nhưng hay dao động <i>Patriotic and politically alert, but wavering</i>	Không — địa vị kinh tế bấp bênh <i>No — economically insecure</i>
Sĩ phu phong kiến <i>Feudal scholars</i>	Tầng lớp trí thức Nho học, cũng phân hóa <i>Confucian-educated intellectuals, also split</i>	Một bộ phận theo tư tưởng dân chủ tư sản hoặc vô sản; nhiều người khởi xướng phong trào <i>Some turn to bourgeois-democratic or proletarian ideas; many start movements</i>	Khởi xướng được, không lãnh đạo đến thắng lợi <i>Can initiate, cannot lead to victory</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là xã hội **thuộc địa nửa phong kiến**. Mâu thuẫn chủ yếu nhất: **toàn thể dân tộc Việt Nam >> thực dân Pháp và phong kiến phản động**. Bên cạnh đó là mâu thuẫn nông dân >> địa chủ.

*Early twentieth-century Vietnam was a colonial semi-feudal society. The principal contradiction: **the whole Vietnamese nation versus the French colonialists and reactionary feudalists**. Alongside it stood the peasant-versus-landlord contradiction.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ con số công nhân: “10 trước chiến tranh, 22 trước khủng hoảng” — khoảng 10 vạn năm 1913 (trước Chiến tranh thế giới thứ nhất), hơn 22 vạn cuối năm 1929 (năm khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ). Số lượng tăng hơn gấp đôi trong khai thác lần hai, nhưng vẫn chỉ trên 1,2% dân số — vì vậy giai cấp này lãnh đạo nhờ chất lượng, không nhờ số đông.

Memory hook for worker numbers: “10 before the war, 22 before the crash” — about 100,000 in

1913 (before the First World War), over 220,000 at the end of 1929 (when the world depression broke). Numbers more than doubled in the second exploitation, yet stayed just over 1.2% of the population — so this class led by quality, not by numbers.

Luồng tư tưởng mới tràn vào — *New currents of thought arrive*

Nguồn ảnh hưởng <i>Influence</i>	Năm <i>Year</i>	Ai tiếp nhận, theo hướng nào <i>Who took it up, which way</i>
Cách mạng tư sản Pháp <i>French bourgeois revolution</i>	1789 <i>1789</i>	Tư tưởng dân quyền, cộng hòa <i>Ideas of popular rights and republic</i>
Duy Tân Minh Trị (Nhật Bản) <i>Meiji Restoration (Japan)</i>	1868 <i>1868</i>	Phan Bội Châu hướng sang Nhật, mở phong trào Đông Du <i>Phan Bội Châu looks to Japan and starts Đông Du</i>
Cuộc vận động Duy Tân ở Trung Quốc <i>China's reform movement</i>	1898 <i>1898</i>	Sĩ phu tiến bộ tiếp nhận tư tưởng cải cách <i>Progressive scholars take up reformist ideas</i>
Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) <i>Xinhai Revolution (China)</i>	1911 <i>1911</i>	Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang phục Hội (1912) <i>Phan Bội Châu founds the Restoration League (1912)</i>
Cách mạng Tháng Mười Nga <i>Russian October Revolution</i>	1917 <i>1917</i>	Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh trên chiến hạm Pháp ở Biển Đen (1919); Nguyễn Ái Quốc chuyển sang lập trường cộng sản <i>Tôn Đức Thắng joins the protest aboard a French warship in the Black Sea (1919); Nguyễn Ái Quốc turns communist</i>

- Luật sư Phan Văn Trường về nước năm 1923; ông cho đăng Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của C. Mác và Ph. Ăngghen trên báo La Cloche Fêlée ở Sài Gòn, các số từ 29/3 đến 20/4/1926.

Lawyer Phan Văn Trường returned home in 1923; he had Marx and Engels' Communist Manifesto printed in La Cloche Fêlée in Sài Gòn, in the issues of 29/3 to 20/4/1926.

Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng — bảng so sánh — *Patriotic movements before the Party — comparison table*

Phong trào <i>Movement</i>	Khuynh hướng <i>Tendency</i>	Lãnh đạo, thời gian <i>Leaders and period</i>	Chủ trương, phương pháp <i>Aim and method</i>	Kết cục và vì sao thất bại <i>Outcome and why it failed</i>
Cần Vương <i>Cần Vương</i>	Phong kiến <i>Feudal</i>	Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết khởi xướng; 1885 – 1896; tiêu biểu Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê <i>Started by King Hàm Nghi and Tôn Thất Thuyết; 1885 – 1896; Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê</i>	Khởi nghĩa vũ trang giúp vua, khôi phục chế độ phong kiến độc lập <i>Armed uprising to aid the king and restore an independent monarchy</i>	Phan Đình Phùng thất bại (1896) — chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến; ngọn cờ quân chủ không còn tập hợp được toàn dân <i>Phan Đình Phùng's defeat (1896) ended feudal leadership; the monarchist banner could no longer rally everyone</i>
Yên Thế (Bắc Giang) <i>Yên Thế (Bắc Giang)</i>	Nông dân, còn nặng cốt cách phong kiến <i>Peasant, still feudal in character</i>	Hoàng Hoa Thám; cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, gần 30 năm <i>Hoàng Hoa Thám; late 19th – early 20th century, nearly 30 years</i>	Xây dựng lực lượng, lập căn cứ, đánh Pháp lâu dài <i>Build forces, set up bases, fight the French over many years</i>	Bị đàn áp; không mở rộng liên kết thành cách mạng toàn quốc <i>Crushed; never widened into a national revolution</i>
Đông Du, Việt Nam Quang phục Hội <i>Đông Du, Restoration League</i>	Dân chủ tư sản — bạo động <i>Bourgeois-democratic — violent</i>	Phan Bội Châu; Đông Du bị giải tán 1908; Quang phục Hội lập 1912 <i>Phan Bội Châu; Đông Du broken up in 1908; League founded 1912</i>	Đưa thanh niên sang Nhật học, theo mô hình Nhật; sau đó vũ trang lập nước cộng hòa dân quốc <i>Send youth to study in Japan, follow the Japanese model; later armed struggle for a democratic republic</i>	Nhật trục xuất du học sinh (1908); cương lĩnh mơ hồ; ông bị bắt cuối 1913, quản chế ở Huế đến khi mất (1940) <i>Japan expelled the students (1908); vague programme; he was arrested in late 1913 and held in Huế until his death (1940)</i>

Phong trào <i>Movement</i>	Khuynh hướng <i>Tendency</i>	Lãnh đạo, thời gian <i>Leaders and period</i>	Chủ trương, phương pháp <i>Aim and method</i>	Kết cục và vì sao thất bại <i>Outcome and why it failed</i>
Duy Tân <i>Duy Tân</i>	Dân chủ tư sản — cải cách <i>Bourgeois-democratic — reformist</i>	Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng; Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội) <i>Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng; Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội)</i>	Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh; dựa vào Pháp để cải cách, bất bạo động <i>Enlighten minds, raise spirit, improve livelihood; reform through France, non-violence</i>	Trường bị đóng cửa (12/1907), chống thuế Trung Kỳ bị đàn áp (1908); ảo tưởng vào lòng tốt của thực dân <i>School closed (12/1907), Trung Kỳ tax protests crushed (1908); illusions about colonial goodwill</i>
Việt Nam Quốc dân Đảng <i>Vietnamese Nationalist Party</i>	Tiểu tư sản trí thức — dân chủ tư sản <i>Petty-bourgeois intellectual — bourgeois-democratic</i>	Nguyễn Thái Học; 12/1927 – 2/1930; chủ yếu ở Bắc Kỳ <i>Nguyễn Thái Học; 12/1927 – 2/1930; mainly Bắc Kỳ</i>	Đánh Pháp, lập cộng hòa tư sản; manh động, ám sát cá nhân; lực lượng là binh lính, sinh viên <i>Expel France, build a bourgeois republic; adventurism, assassinations; soldiers and students</i>	Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) thất bại nhanh; phong trào tan rã <i>The Yên Bái uprising (2/1930) failed fast; the movement collapsed</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba nguyên nhân chung khiến mọi phong trào trước 1930 thất bại: (1) **thiếu đường lối chính trị đúng** để giải quyết mâu thuẫn cơ bản; (2) **thiếu tổ chức vững mạnh** để tập hợp, lãnh đạo toàn dân tộc; (3) **thiếu phương pháp đấu tranh thích hợp**. Hệ quả: **khủng hoảng về đường lối cứu nước**.

*Three common reasons why every movement before 1930 failed: (1) **no correct political line** for the basic contradiction; (2) **no strong organisation** to rally and lead the whole nation; (3) **no suitable method of struggle**. Result: **a crisis of the line of national salvation**.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Xếp Việt Nam Quốc dân Đảng vào khuynh hướng vô sản vì cùng thời với các tổ chức cộng sản. Đảng này theo **dân chủ tư sản**, mục tiêu là cộng hòa tư sản. Một lỗi khác: gọi phong trào Phan Châu Trinh là “Đông Du” — Đông Du thuộc Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh gắn với **Duy Tân**.

*Placing the Vietnamese Nationalist Party in the proletarian current because it existed alongside the communist groups. It was **bourgeois-democratic**, aiming at a bourgeois republic. Another slip: calling Phan Châu Trinh’s movement “Đông Du” — Đông Du belongs to Phan Bội Châu; Phan Châu Trinh goes with **Duy Tân**.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo phân biệt “hai Phan”: Phan Bội Châu — Bạo động, đi Đông (Nhật); Phan Châu Trinh — Chấn dân khí, cải cách trong nước. Hai ông cùng thất bại theo

hai cách ngược nhau: một người trông vào Nhật Bản, một người trông vào chính Pháp cải cách.

Telling the “two Phans” apart: Phan Bội Châu — Bạo động (violence), going East (Japan); Phan Châu Trinh — Chấn dân khí (raising the people’s spirit), reform at home. Both failed in opposite ways: one looked to Japan, the other relied on France itself to reform.

Thất bại để lại hai thứ: chủ nghĩa yêu nước được bồi đắp thêm, và một lớp thanh niên trí thức buộc phải tìm con đường khác. Yêu cầu đặt ra là một tổ chức cách mạng tiên phong có đường lối đúng.

The failures left two things behind: a deeper patriotism, and a generation of young intellectuals forced to look for another path. The demand of the time was a vanguard revolutionary organisation with a correct line.

1.2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng — Nguyễn Ái Quốc finds the path and prepares the conditions for founding the Party

Khác các bậc tiền bối đi sang Nhật hay Trung Quốc, Nguyễn Tất Thành đi sang phương Tây, nơi sinh ra chủ nghĩa thực dân, để hiểu kẻ thù từ gốc. Năm 1911 là mốc ra đi; 12/1920 là mốc chọn con đường.

Unlike the earlier patriots who went to Japan or China, Nguyễn Tất Thành went to the West, the birthplace of colonialism, to understand the enemy at its root. 1911 is the year of departure; 12/1920 is the year the path was chosen.

Bảng hành trình Nguyễn Ái Quốc 1911 – 1930 — Nguyễn Ái Quốc’s journey, 1911 – 1930

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
5/6/1911 <i>5/6/1911</i>	Bến Nhà Rồng (Sài Gòn) <i>Nhà Rồng wharf (Sài Gòn)</i>	Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước <i>Nguyễn Tất Thành leaves to seek a way to save the country</i>	Hướng sang phương Tây, khác lối đi của lớp trước <i>Heads West, unlike the earlier generation</i>
1917 <i>1917</i>	Từ Anh sang Pháp <i>From Britain to France</i>	Chịu tác động của Cách mạng Tháng Mười, gọi đó là cuộc “cách mạng đến nơi” <i>Moved by the October Revolution, which he calls a “thoroughgoing revolution”</i>	Bắt đầu tìm hiểu V.I. Lênin <i>Begins to study Lenin</i>
Đầu 1919 <i>Early 1919</i>	Pháp <i>France</i>	Vào Đảng Xã hội Pháp <i>Joins the French Socialist Party</i>	Hoạt động trong chính đảng tiến bộ nhất nước Pháp lúc đó <i>Works inside France’s most progressive party of the day</i>

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
18/6/1919 <i>18/6/1919</i>	Hội nghị Versailles <i>Versailles Conference</i>	Ký tên Nguyễn Ái Quốc, gửi Yêu sách của nhân dân An Nam (8 điểm) <i>Signs as Nguyễn Ái Quốc and sends the Demands of the Annamese People (8 points)</i>	Không được đáp ứng; hiểu rõ hơn bản chất đế quốc <i>Ignored; sharper grasp of imperialism</i>
7/1920 <i>7/1920</i>	Pari <i>Paris</i>	Đọc Sơ thảo luận cương của V.I. Lênin trên báo L'Humanité (16 và 17/7/1920) <i>Reads Lenin's Draft Theses in L'Humanité (16 and 17/7/1920)</i>	Tìm thấy lời giải cho vấn đề dân tộc thuộc địa <i>Finds the answer to the colonial question</i>
12/1920 <i>12/1920</i>	Đại hội XVIII Đảng Xã hội Pháp, Tours <i>18th Congress of the French Socialist Party, Tours</i>	Bỏ phiếu tán thành Quốc tế III; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp <i>Votes for the Third International; co-founds the French Communist Party</i>	Người cộng sản Việt Nam đầu tiên — bước ngoặt quyết định <i>The first Vietnamese communist — the decisive turn</i>
Giữa 1921 <i>Mid-1921</i>	Pháp <i>France</i>	Tham gia lập Hội Liên hiệp thuộc địa <i>Co-founds the Intercolonial Union</i>	Nối các dân tộc thuộc địa với nhau <i>Links colonial peoples together</i>
1922 <i>1922</i>	Pháp <i>France</i>	Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương (Ban Nghiên cứu thuộc địa, Đảng Cộng sản Pháp); số 1 báo Le Paria ra ngày 1/4/1922 <i>Head of the Indochina Subcommittee (Colonial Research Committee, French CP); Le Paria issue 1 out on 1/4/1922</i>	Truyền bá tư tưởng, tố cáo thực dân <i>Spreads ideas, exposes colonialism</i>
30/6/1923 <i>30/6/1923</i>	Mátxcova <i>Moscow</i>	Đến Liên Xô, làm việc ở Quốc tế Cộng sản <i>Arrives in the Soviet Union, works at the Comintern</i>	Khảo sát thực tiễn cách mạng vô sản <i>Studies proletarian revolution at first hand</i>
17/6 – 8/7/1924 <i>17/6 – 8/7/1924</i>	Mátxcova <i>Moscow</i>	Dự, đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản; làm việc ở Ban Phương Đông <i>Attends and speaks at the Fifth Comintern Congress; works in the Eastern Department</i>	Đưa vấn đề thuộc địa vào diễn đàn quốc tế <i>Puts the colonial question on the international stage</i>

Thời gian <i>Time</i>	Nơi <i>Place</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>
11/1924 <i>11/1924</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Đến Quảng Châu, nơi đông người Việt yêu nước <i>Arrives in Guangzhou, home to many Vietnamese patriots</i>	Chuyển trọng tâm sang chuẩn bị tổ chức <i>Shifts focus to organisation</i>
1925 <i>1925</i>	Pari <i>Paris</i>	Bản án chế độ thực dân Pháp được xuất bản <i>The Indictment of French Colonialism is published</i>	Bản cáo trạng chủ nghĩa thực dân <i>An indictment of colonialism</i>
2/1925 và 6/1925 <i>2/1925 and 6/1925</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Lập Cộng sản đoàn trong Tâm tâm xã; rồi lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên <i>Forms the Communist League inside Tâm Tâm Xã; then the Vietnamese Revolutionary Youth Association</i>	Tổ chức tiền thân của Đảng <i>The Party's forerunner</i>
1927 <i>1927</i>	Quảng Châu <i>Guangzhou</i>	Đường cách mệnh được xuất bản; 4/1927 Người rời Quảng Châu sang Liên Xô <i>The Revolutionary Path published; in 4/1927 he leaves Guangzhou for the Soviet Union</i>	Cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam <i>The first political book of the Vietnamese revolution</i>
1928 <i>1928</i>	Xiêm (Thái Lan) <i>Siam (Thailand)</i>	Trở về châu Á, hoạt động trong Việt kiều <i>Returns to Asia, works among overseas Vietnamese</i>	Gần trong nước hơn <i>Closer to home</i>
23/12/1929 <i>23/12/1929</i>	Hồng Kông <i>Hong Kong</i>	Đến với tư cách phái viên Quốc tế Cộng sản, triệu tập hội nghị hợp nhất <i>Arrives as Comintern envoy and convenes the unification conference</i>	Mở đầu việc thành lập Đảng <i>Opens the founding process</i>
6/1 – 7/2/1930 <i>6/1 – 7/2/1930</i>	Cửu Long (Hong Kông) <i>Kowloon (Hong Kong)</i>	Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Chairs the founding conference of the Communist Party of Vietnam</i>	Đảng ra đời <i>The Party is born</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm ba mốc năm 1919 – 1920: **6/1919** gửi Yêu sách tới Versailles; **7/1920** đọc Sơ thảo luận cương của Lênin; **12/1920** bỏ phiếu ở Tours. Mốc “trở thành người cộng sản” là 12/1920, không phải 7/1920.
Mixing up three dates of 1919 – 1920: 6/1919 Demands sent to Versailles; 7/1920 reads Lenin's Draft Theses; 12/1920 vote at Tours. He “became a communist” in 12/1920, not 7/1920.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ: “**Một chín, gửi; hai mươi, đọc rồi bầu**”. 1919 gửi yêu sách — 1920 đọc luận cương (tháng 7) rồi bỏ phiếu (tháng 12). Hai sự kiện năm 1920 cách nhau đúng năm tháng: đọc trước, quyết sau.

Hook: “’19 send; ’20 read then vote”. 1919 sends the demands — 1920 reads the theses (July) then votes (December). The two 1920 events are exactly five months apart: reading first, deciding after.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nhận thức Nguyễn Tất Thành rút ra sau nhiều năm bôn ba: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.1, tr.287).

What Nguyễn Tất Thành concluded after years abroad: “whatever the colour of their skin, there are only two kinds of people in the world: the exploiters and the exploited” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 1, p. 287).

Ba mặt chuẩn bị: tư tưởng — chính trị — tổ chức — Three kinds of preparation: ideology — politics — organisation

Mặt Area	Việc làm chính Main work	Sản phẩm, công cụ Products and tools	Kết quả Result
Tư tưởng <i>Ideology</i>	Tổ cáo chủ nghĩa thực dân; truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và yêu nước <i>Expose colonialism; carry Marxism-Leninism into the workers’ and patriotic movements</i>	Le Paria; bài trên Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Thư tín quốc tế; Bản án chế độ thực dân Pháp <i>Le Paria; articles in L’Humanité, La Vie Ouvrière, La Revue Communiste, Inprecor; The Indictment of French Colonialism</i>	Chủ nghĩa thực dân bị chỉ ra là kẻ thù chung; tư tưởng vô sản đến với người Việt <i>Colonialism shown as the common enemy; proletarian ideas reach the Vietnamese</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Xây dựng luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc <i>Build the theses on national liberation revolution</i>	Bài giảng ở Quảng Châu, tập hợp thành Đường cách mệnh (1927) <i>Lectures in Guangzhou, collected as The Revolutionary Path (1927)</i>	Con đường, mục tiêu, lực lượng, phương pháp được xác định <i>Path, goals, forces and methods defined</i>
Tổ chức <i>Organisation</i>	Đào tạo cán bộ, lập tổ chức tiền thân, đưa cán bộ về nước <i>Train cadres, set up a forerunner organisation, send cadres home</i>	Cộng sản đoàn (2/1925); Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925); báo Thanh niên; phong trào “vô sản hóa” <i>Communist League (2/1925); Revolutionary Youth Association (6/1925); Thanh Niên; “proletarianisation”</i>	Cơ sở trong nước, kỳ bộ ba miền (1927), hạt nhân cho các tổ chức cộng sản 1929 <i>Bases at home, regional committees in three regions (1927), nuclei of the 1929 communist groups</i>

Các luận điểm chính trị cốt lõi — Core political theses

- Con đường của các dân tộc bị áp bức là **giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp**; cả hai chỉ thực hiện được bằng con đường cộng sản.
*The path of oppressed peoples is **national liberation tied to class liberation**; both can be achieved only along the communist road.*
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là **bộ phận của cách mạng vô sản thế giới**, có quan hệ hai chiều với cách mạng ở chính quốc nhưng **không phụ thuộc** vào nó và **có thể thắng lợi trước**.
*National liberation in the colonies is **part of the world proletarian revolution**, linked both ways with revolution in the mother country but **not dependent** on it, and it **may win first**.*
- Ở nước nông nghiệp lạc hậu, phải lôi cuốn nông dân, xây dựng **liên minh công – nông** làm động lực.
*In a backward farming country the peasants must be won over and a **worker–peasant alliance** built as the driving force.*
- Cách mạng là việc của đông đảo dân chúng, không phải của một nhóm nhỏ — phê phán trực tiếp lối ám sát cá nhân, bạo động non.
Revolution is the work of the broad masses, not of a small group — a direct critique of assassination and premature uprisings.
- Muốn thắng phải có **đảng cách mệnh** lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng.
*Victory requires a **revolutionary party** grounded in Marxism-Leninism.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” (Đường cách mệnh, 1927; Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.2, tr.289).

“For the party to be firm it must have a doctrine at its core, which every member understands and follows. A party without a doctrine is like a man without reason, a ship without a compass” (The Revolutionary Path, 1927; Complete Works, vol. 2, p. 289).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.2, tr.288).

“workers and peasants are the root of the revolution; students, small traders, small landowners... are their revolutionary companions” (Complete Works, vol. 2, p. 288).

Về vai trò của Đảng, Đường cách mệnh dùng hình ảnh người cầm lái: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” (Toàn tập, t.2, tr.289).

On the Party’s role, The Revolutionary Path uses the image of a helmsman: “Only with a firm Party can the revolution succeed, as a boat moves only when the helmsman is steady” (Complete Works, vol. 2, p. 289).

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên — tổ chức tiền thân — *The Revolutionary Youth Association — the forerunner*

Nội dung <i>Item</i>	Thông tin cần nhớ <i>Facts to remember</i>
Thành lập <i>Founded</i>	Tháng 6/1925, Quảng Châu; nòng cốt là Cộng sản đoàn (lập 2/1925) <i>June 1925, Guangzhou; core: the Communist League (formed 2/1925)</i>
Mục đích <i>Aim</i>	Làm cách mạng dân tộc (đánh đổ Pháp, giành độc lập) rồi làm cách mạng thế giới (lật đổ đế quốc, thực hiện chủ nghĩa cộng sản) <i>National revolution first (oust France, win independence), then world revolution (overthrow imperialism, realise communism)</i>
Hệ thống tổ chức <i>Structure</i>	5 cấp: trung ương bộ — kỳ bộ — tỉnh bộ/thành bộ — huyện bộ — chi bộ; Tổng bộ lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội; trụ sở Quảng Châu <i>5 levels: headquarters — region — province/city — district — cell; the General Headquarters leads between congresses; seat in Guangzhou</i>
Báo Thanh niên <i>Thanh Niên newspaper</i>	Số đầu 21/6/1925; hằng tuần, khoảng 100 bản/số; 88 số đến 4/1927; 202 số đến 2/1930; từ số 89 chuyển về Thượng Hải; mở đầu báo chí cách mạng Việt Nam <i>First issue 21/6/1925; weekly, about 100 copies; 88 issues by 4/1927; 202 by 2/1930; from no. 89 moved to Shanghai; the start of Vietnamese revolutionary journalism</i>
Huấn luyện <i>Training</i>	Trên 10 lớp (giữa 1925 – 4/1927) tại nhà 13A, 13B đường Văn Minh; một số học viên đi học Đại học Phương Đông (Liên Xô), trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) <i>Over 10 courses (mid-1925 – 4/1927) at 13A and 13B Văn Minh street; some trainees went on to the University of the Toilers of the East (USSR) and Whampoa (China)</i>
Trong nước <i>At home</i>	Phát triển cơ sở từ đầu 1926; kỳ bộ ra đời năm 1927; có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm <i>Bases from early 1926; regional committees in 1927; branches among Vietnamese in Siam</i>
“Vô sản hóa” <i>“Proletarianisation”</i>	Kỳ bộ Bắc Kỳ phát động từ 29/9/1928: hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền làm thợ để truyền bá tư tưởng, rèn cán bộ, xây dựng tổ chức công nhân <i>Launched by the Bắc Kỳ Regional Committee from 29/9/1928: members took jobs in factories, mines and plantations to spread ideas, train cadres and organise workers</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gọi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là “đảng cộng sản đầu tiên”. Hội **chưa phải chính đảng cộng sản**; chương trình mang lập trường giai cấp công nhân, Hội là **tổ chức tiền thân** dẫn tới các tổ chức cộng sản năm 1929. *Calling the Revolutionary Youth Association “the first communist party”. It was **not yet a communist party**; its programme took the working-class stand, and it was the **forerunner** of the communist organisations of 1929.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hình dung một trường đào tạo khởi nghiệp: Đường cách mệnh là giáo trình, các lớp ở Quảng Châu là khóa học, báo Thanh niên là kênh truyền thông, “vô sản hóa” là kỳ thực tập tại nhà máy. Bốn năm sau khóa đầu, học viên đã đủ sức tự lập ba “công ty” — ba tổ chức cộng sản năm 1929.

Picture a start-up academy: The Revolutionary Path is the textbook, the Guangzhou courses are the classes, Thanh Niên is the media channel, and “proletarianisation” is the factory internship. Within four years of the first course, graduates were able to found three “companies” — the three communist organisations of 1929.

1.3. Các tổ chức cộng sản năm 1929 và Hội nghị thành lập Đảng — *The communist organisations of 1929 and the Party’s founding conference*

Phong trào chín muồi, Hội Thanh niên không còn đủ sức — *The movement matures; the Youth Association falls short*

Bãi công của thợ thuyền lan khắp ba kỳ, nội dung chính trị đậm hơn: số cuộc đấu tranh năm 1928 – 1929 gấp 2,5 lần năm 1926 – 1927. Đến năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo một phong trào lớn như vậy.

Workers’ strikes spread across all three regions with sharper political content: struggles in 1928 – 1929 were 2.5 times those of 1926 – 1927. By 1929 the Revolutionary Youth Association could no longer lead a movement of this size.

- Tháng 3/1929, các cán bộ Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp ở nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội, lập **chi bộ cộng sản đầu tiên** ở Việt Nam.

In March 1929 cadres of the Bắc Kỳ Regional Committee (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) met at 5D Hàm Long Street, Hà Nội, and set up the first communist cell in Vietnam.

Bảng ba tổ chức cộng sản năm 1929 — *The three communist organisations of 1929*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Indochinese Communist Party</i>	An Nam Cộng sản Đảng <i>Annam Communist Party</i>	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn <i>Indochinese Communist League</i>
Thời gian <i>Date</i>	17/6/1929 <i>17/6/1929</i>	11/1929 <i>11/1929</i>	9/1929 (Tuyên đạt) <i>9/1929 (Proclamation)</i>
Địa điểm, địa bàn <i>Place, base</i>	Nhà 312 Khâm Thiên, Hà Nội; Bắc Kỳ <i>312 Khâm Thiên, Hà Nội; Bắc Kỳ</i>	Khánh Hội, Sài Gòn; Nam Kỳ <i>Khánh Hội, Sài Gòn; Nam Kỳ</i>	Trung Kỳ <i>Trung Kỳ</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Indochinese Communist Party</i>	An Nam Cộng sản Đảng <i>Annam Communist Party</i>	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn <i>Indochinese Communist League</i>
Xuất phát từ <i>Grew out of</i>	Các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ, khởi đầu từ chi bộ 5D Hàm Long <i>Communist groups in Bắc Kỳ, starting with the 5D Hàm Long cell</i>	Các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, ra đời dưới ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng <i>Communist cells in Nam Kỳ, formed under the influence of the Indochinese CP</i>	Bộ phận tiên tiến của Tân Việt Cách mạng Đảng (có Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...) <i>The advanced wing of the Tân Việt Revolutionary Party (with Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...)</i>
Văn kiện, cơ quan ngôn luận <i>Documents, organ</i>	Tuyên ngôn, Điều lệ; cờ đỏ búa liềm làm Đảng kỳ; báo Búa liềm <i>Manifesto, Statutes; red hammer-and-sickle flag; Búa liềm newspaper</i>	Điều lệ; Tạp chí Bônsovích <i>Statutes; the journal Bônsovích</i>	Tuyên đạt; chủ trương cải tổ Tân Việt thành đoàn thể cách mạng chân chính <i>Proclamation; plan to reorganise Tân Việt into a genuine revolutionary body</i>
Tham gia hợp nhất <i>Role in unification</i>	Cử 2 đại biểu dự Hội nghị đầu 1930 <i>Sent 2 delegates to the early-1930 conference</i>	Cử 2 đại biểu dự Hội nghị đầu 1930 <i>Sent 2 delegates to the early-1930 conference</i>	Không dự Hội nghị; được chấp nhận gia nhập ngày 24/2/1930 <i>Absent from the conference; admitted on 24/2/1930</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thứ tự ra đời theo giáo trình: **chi bộ 5D Hàm Long (3/1929) → Đông Dương Cộng sản Đảng (17/6/1929) → Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929) → An Nam Cộng sản Đảng (11/1929)**. Bắc trước, Trung giữa, Nam sau.
Order of founding per the textbook: 5D Hàm Long cell (3/1929) → Indochinese CP (17/6/1929) → Indochinese Communist League (9/1929) → Annam CP (11/1929). North first, Centre next, South last.

Ba tổ chức ra đời trong nửa cuối năm 1929 là bước phát triển về chất của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản. Mặt trái: cả ba cùng xin Quốc tế Cộng sản công nhận, cùng tự nhận là đảng chân chính, lực lượng bị phân tán, tổ chức không thống nhất.

The three organisations founded in the second half of 1929 marked a qualitative leap of the patriotic movement towards the proletarian current. The downside: all three sought Comintern recognition, each claimed to be the true party, forces were scattered and there was no single organisation.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Đông Dương Cộng sản Liên đoàn là tổ chức của Nam Kỳ hoặc cho rằng Liên đoàn dự Hội nghị hợp nhất. Liên đoàn ở **Trung Kỳ**,

xuất thân từ **Tân Việt**, và chỉ gia nhập Đảng ngày **24/2/1930**, sau Hội nghị.
*Placing the Indochinese Communist League in Nam Kỳ, or claiming it attended the unification conference. The League was in **Trung Kỳ**, grew out of **Tân Việt**, and joined the Party only on 24/2/1930, after the conference.*

Hội nghị thành lập Đảng (6/1 – 7/2/1930) — *The founding conference (6/1 – 7/2/1930)*

Nội dung <i>Item</i>	Thông tin <i>Facts</i>
Người triệu tập <i>Convened by</i>	Nguyễn Ái Quốc, phái viên Quốc tế Cộng sản, đến Hồng Kông ngày 23/12/1929 <i>Nguyễn Ái Quốc, Comintern envoy, who reached Hong Kong on 23/12/1929</i>
Thời gian, địa điểm <i>Dates, venue</i>	Từ 6/1 đến 7/2/1930, tại Cửu Long (Hồng Kông, Trung Quốc) <i>6/1 to 7/2/1930, Kowloon (Hong Kong, China)</i>
Thành phần <i>Participants</i>	Đông Dương Cộng sản Đảng: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh. An Nam Cộng sản Đảng: Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu. Chủ trì: Nguyễn Ái Quốc <i>Indochinese CP: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh. Annam CP: Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu. Chair: Nguyễn Ái Quốc</i>
Năm điểm lớn <i>Five main points</i>	(1) bỏ thành kiến xung đột cũ, hợp tác để thống nhất; (2) đặt tên Đảng Cộng sản Việt Nam; (3) thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược; (4) định kế hoạch thống nhất trong nước; (5) cử Ban Trung ương lâm thời <i>(1) drop old quarrels, cooperate to unite; (2) name the Communist Party of Vietnam; (3) draft a Platform and outline Statutes; (4) plan unification at home; (5) appoint a provisional Central Committee</i>
Văn kiện thông qua <i>Documents adopted</i>	Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt — đều do Nguyễn Ái Quốc soạn <i>Brief Political Platform, Brief Strategy, Brief Programme, Brief Statutes — all drafted by Nguyễn Ái Quốc</i>
Tổ chức Đảng <i>Party structure</i>	Bốn tầng: chi bộ — cấp huyện (huyện bộ, thị bộ, khu bộ) — cấp tỉnh (tỉnh bộ, thành bộ, đặc biệt bộ) — Trung ương; đại biểu về nước lập Trung ương lâm thời <i>Four tiers: cell — district level (district, town, area) — provincial level (province, city, special zone) — Centre; delegates to form a provisional Central Committee at home</i>
Đoàn thể quần chúng, báo chí <i>Mass bodies, press</i>	Lập công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế; ra một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền <i>Trade unions, peasant unions, relief and anti-imperialist bodies; one theoretical journal and three propaganda papers</i>
Hoàn tất thống nhất <i>Unification completed</i>	24/2/1930: Lâm thời chấp ủy ra Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn vào Đảng <i>24/2/1930: the Provisional Executive Committee resolves to admit the Indochinese Communist League</i>